

THIẾT BỊ VẬN CHUYỂN HẠNG NẶNG

Giải Pháp Vận Chuyển

Dòng Sản Phẩm Lowbed •

Năm nền tảng lowbed được thiết kế kỹ thuật từ 60 đến 84 tấn. Cổ ngồng thủy lực, bộ mở rộng lồng và góc lái lên đến 45° — chế tạo từ thép cường độ cao SSAB.

CST-MX 3 • CST-MXHP 3 • CST-MXH 3 • CST-MXW E4 • CST-MXE 5



01 CÔNG TY

Thương hiệu kỹ thuật.

CASTROMAX Trailers thiết kế và sản xuất rơ moóc lowbed vận chuyển hạng nặng tại nhà máy sản xuất tại Konya, Thổ Nhĩ Kỳ. Mỗi nền tảng trong catalogue này được thiết kế theo cùng nguyên tắc: khung gầm thép cường độ cao SSAB, hệ thống thủy lực được thiết kế nội bộ, phân bổ trọng lượng tối ưu và kết cấu có thể tháo rời, dễ bảo trì, giúp rơ moóc hoạt động bền bỉ suốt vòng đời kinh tế.

DÒNG ENTRY

CASTROFLEX

Nền tảng tối ưu chi phí cho các nhiệm vụ vận chuyển tiêu chuẩn.

DÒNG PROFESSIONAL

CASTROMAX

Cốt lõi hoạt động của dòng sản phẩm — vận chuyển hạng nặng hàng ngày, từ 60 đến 84 tấn.

DÒNG FLAGSHIP

CASTROMAX Signature

Lái thủy lực toàn phần, mở rộng chiều rộng và kiểm soát tối đa.

05

CÁC MẪU LOWBED

60–84

TẢI TRỌNG (TẤN)

45°

GÓC LÁI TỐI ĐA

5 m

MỞ RỘNG LỒNG

CHẤT LƯỢNG VÀ TUÂN THỦ

- **ISO 9001**
Quản lý chất lượng
- **ISO 14001**
Quản lý môi trường
- **ISO 45001**
An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- **EN 12642 XL**
Chứng nhận độ bền thân xe

GHI CHÚ

Tất cả kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

MỤC LỤC

Trong catalogue này.

Mỗi phần mẫu xe theo cùng cấu trúc: tổng quan, bản vẽ kỹ thuật kèm bảng kích thước, trang bị tiêu chuẩn và bộ sưu tập hình ảnh thực tế.

01	Công Ty	02
	Thương hiệu kỹ thuật · cấu trúc dòng sản phẩm · tuân thủ	
02	So Sánh Mẫu Xe	04
	Tổng quan kỹ thuật toàn bộ dòng lowbed	
03	CST-MX 3 LOWBED	05
	3 Trục · 60 Tấn · Lowbed Thủy Lực	
	Tổng quan 06 · Bản Vẽ và Kích Thước 07 · Trang Bị Tiêu Chuẩn 08 · Hình Ảnh 09	
04	CST-MXHP 3 LOWBED	10
	3 Trục · 60 Tấn · Lowbed Nền Thủy Lực	
	Tổng quan 11 · Bản Vẽ và Kích Thước 12 · Ưu Điểm Thủy Lực 13 · Hình Ảnh 14	
05	CST-MXH 3 LOWBED	15
	3 Trục · 60 Tấn · Lowbed Hạ Sàn Lái Thủy Lực	
	Tổng quan 16 · Bản Vẽ và Kích Thước 17 · Trang Bị Tiêu Chuẩn 18 · Hình Ảnh 19	
06	CST-MXW E4 LOWBED	20
	4 Trục · 72 Tấn · Lowbed Mở Rộng Thủy Lực	
	Tổng quan 21 · Bản Vẽ và Kích Thước 22 · Trang Bị Tiêu Chuẩn 23 · Hình Ảnh 24	
07	CST-MXE 5 LOWBED	25
	5 Trục · 84 Tấn · Lowbed Kéo Dài Thủy Lực	
	Tổng quan 26 · Bản Vẽ và Kích Thước 27 · Trang Bị Tiêu Chuẩn 28 · Hình Ảnh 29	
08	Bản Vẽ Kỹ Thuật	30
	CST-MX 2 · 4 · 5 CST-MXE 2 · 3 · 4 · 5 CST-MXE H4 · H5 TIEFBETT — 31-39	
09	CST-MX-VM VEHICLE MOUNTED LOW-BED	40
	Thân low-bed lắp trên xe tải · dốc lên 14° · mở rộng dốc 400 mm	
	Bố Trí Tổng Thể 41 · Nền và Dốc Lên 42 · Cơ Cấu Dốc Lên 43 · Khung Phụ 44 · Trang Bị 45 · Hoàn Thiện 46 · Hình Ảnh 47	
10	CST-MX-SC VEHICLE MOUNTED SLIDING CHASSIS	48
	Thân cứu hộ nghiêng và trượt · thủy lực, dẫn động PTO · sàn đục lỗ chống trượt	
	Thiết Kế và Nguyên Lý Vận Hành 49 · Kết Cấu và Khung Phụ 50 · Hình Ảnh 51	
11	CST-MX TURNTABLE DRAWBAR TRAILER	52
	Rơ moóc toàn phần · giá chuyển hướng bằng bàn xoay · từ 2+2 đến 3+3 trục	
	Bố Trí Tổng Thể và Kích Thước 53 · Cấu Hình và Trang Bị 54	
12	CASTROMAX TỰ HÀNH	55
	Xe vận chuyển dạng mô-đun · dây trục con lắc · khối nguồn động lực	
	Mô-đun và Kết Hợp 56 · Công Nghệ Trục và Dẫn Động 57 · Dữ Liệu Kỹ Thuật 58	
13	Liên Hệ	59
	Địa chỉ, chứng nhận và thông tin liên hệ	

02 MODEL COMPARISON

Toàn bộ dòng sản phẩm,
so sánh song song.

Tất cả kích thước tính bằng milimet trừ khi có ghi chú khác.

	CST-MX 3 3 trục · 60 t	CST-MXHP 3 3 trục · 60 t	CST-MXH 3 3 trục · 60 t	CST-MXW E4 4 trục · 72 t	CST-MXE 5 5 trục · 84 t
Tải trọng	60.000 kg	60.000 kg	60.000 kg	72.000 kg	84.000 kg
Số trục và tải trọng	3 × 12.000 kg	3 × 12.000 kg	3 × 12.000 kg	4 × 12.000 kg	5 × 12.000 kg
Chiều dài tổng thể L	13,600	13,600	17,650	13,600	14,600
Tổng chiều dài mở rộng L EX	—	—	22,650	17,600	19,600
Chiều dài nền PL	9,000	9,000 13.400 tối đa	7,830	8,880	9,600
Nền mở rộng PL EX	—	—	12,830	12,880	14,600
Chiều dài cổ ngỗng GL	4,400	4,400	4,375	4,400	4,375
Khoảng cách trục AR	1,500	1,360	1,500	1,500	1,500
Chiều cao nền PH	900	900	hành trình 320	900	900
Chiều rộng nền W	2,550	2550 + 500	3,000	2,550 / 3,150	3,000
Mở rộng chiều rộng	0,5 m cơ khí	0,5 m cơ khí	0,5 m cơ khí	0,6 m thủy lực	0,5 m cơ khí
Mở rộng lồng	—	—	5 m theo giai đoạn	4 m theo giai đoạn	5 m theo giai đoạn
Hệ thống lái	1 trục tự lái 16° (tùy chọn)	1 trục lái + 1 trục nâng thủy lực	3 trục thủy lực tối đa 45°	4 trục thủy lực tối đa 45°	2 trục tự lái 16°
Chốt vua / cổ ngỗng	2" / 3,5" Cơ khí	2" / 3,5" Nền thủy lực 14°	2" / 3,5" Thủy lực tháo rời	2" / 3,5" Thủy lực	2" / 3,5" Thủy lực
Hệ thống phanh	2S2M hoặc 4S3M EBS + ABS	4S3M EBS + ABS + RSS	2S2M EBS + ABS	2S2M EBS + ABS	4S3M EBS + ABS
Hệ thống treo	Khí nén	Khí nén	Khí nén	Khí nén	Khí nén
Lốp và vành 245/70 R17.5	12 + 1	12 + 1	12 + 1	16 + 1	20 + 1
Vật liệu khung gầm	S700MC PLUS S355J2+N	S700MC PLUS S690QL · S355J2+N	S700MC PLUS S690QL · S355J2+N	S700MC PLUS S690QL · S355J2+N	S700MC PLUS S690QL · S355J2+N

GHI CHÚ

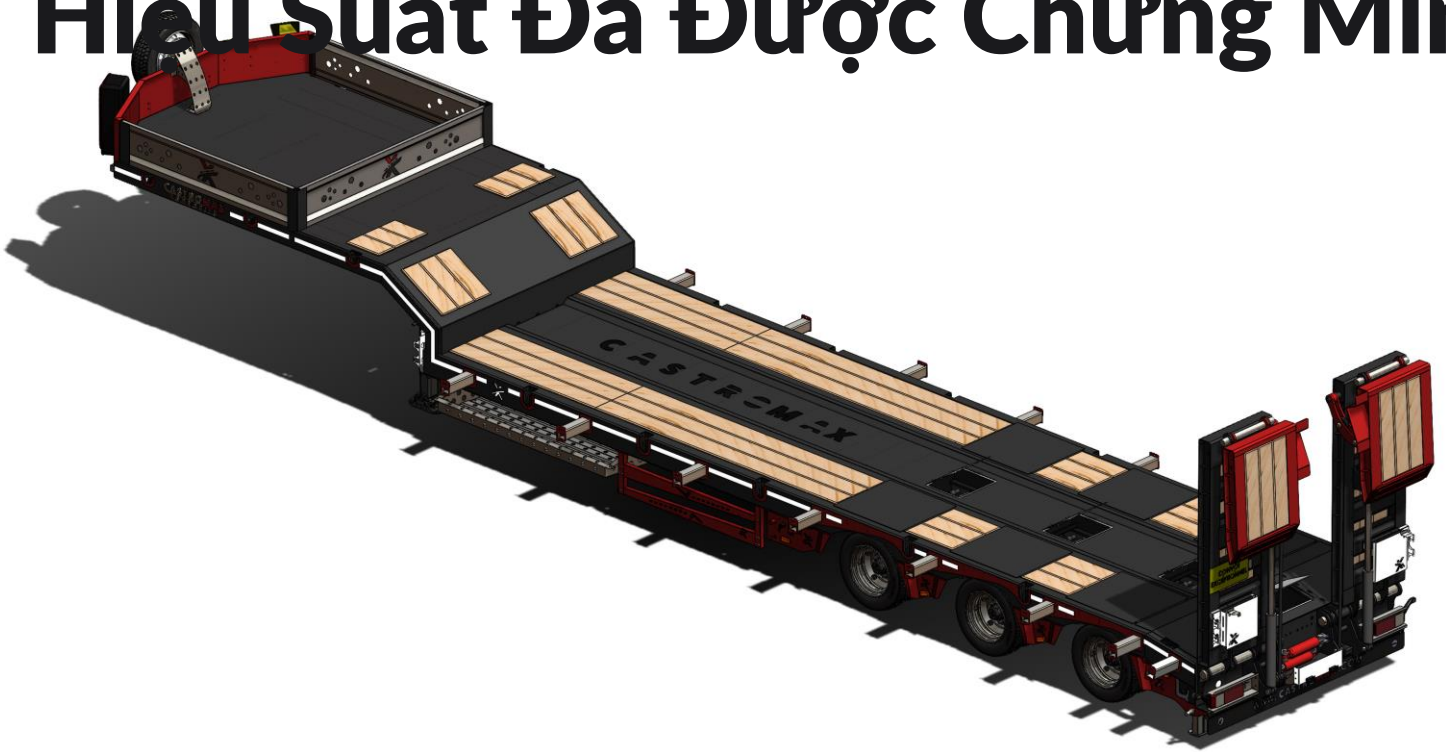
Số liệu được lấy từ các catalogue mẫu xe riêng lẻ tiếp theo. Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng.



Xem
video sản phẩm

Giải Pháp Vận Chuyển

Hiệu Suất Đã Được Chứng Minh



lowbed mô-đun / lowbed / lowbed lái thủy lực / lowbed kéo dài / lowbed hạ sàn
 lowbed mở rộng thủy lực / lowbed nền thủy lực

PRODUCT SERIES

SELECTED SERIES

DÒNG ENTRY

CASTROFLEX

DÒNG PROFESSIONAL

CASTROMAX

DÒNG FLAGSHIP

CASTROMAX

Signature

01 TỔNG QUAN

 Xem
video sản phẩm

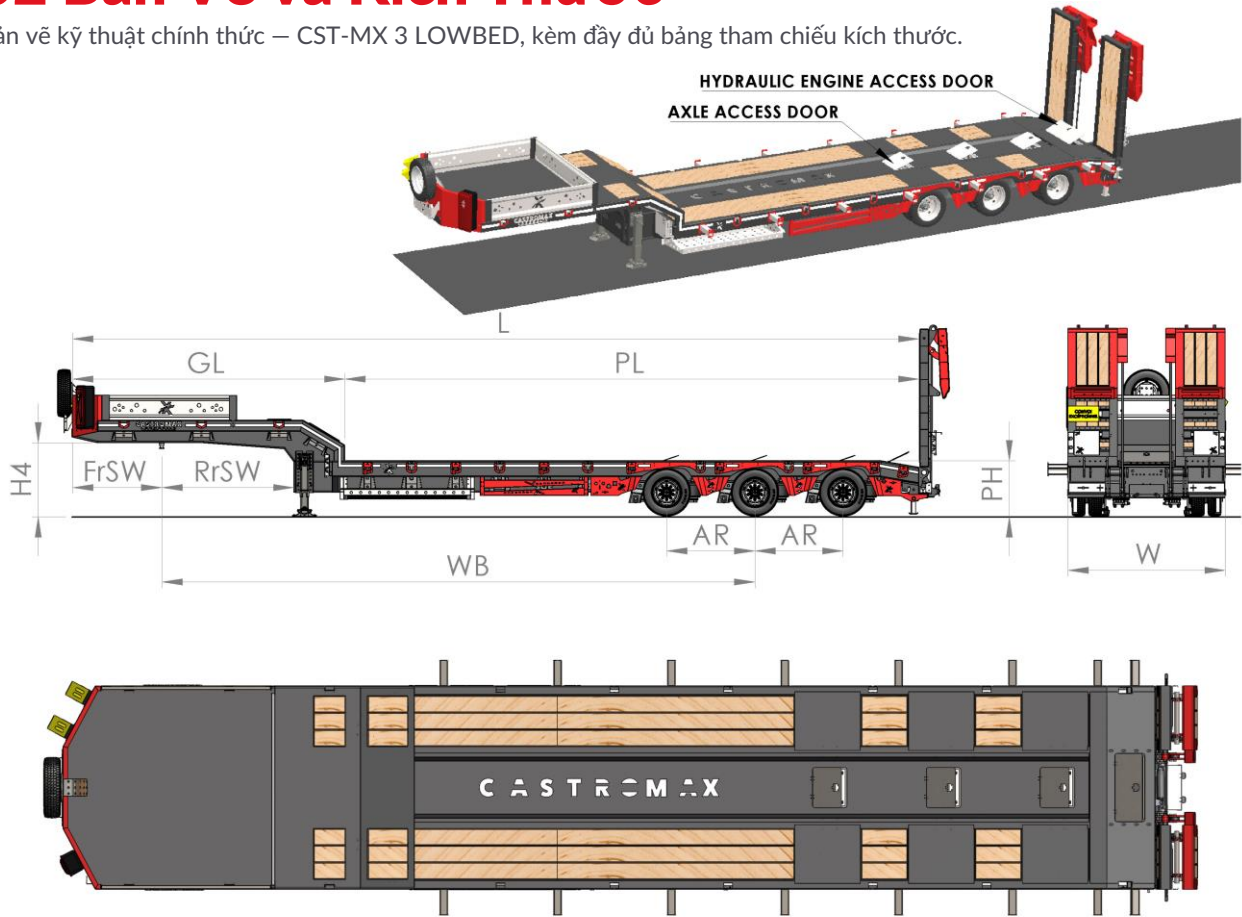
Thân xe gọn nhẹ, sức chịu tải cao.

CST-MX 3 LOWBED là nền tảng lowbed thủy lực thuộc dòng professional, được thiết kế để vận chuyển máy móc xây dựng hạng nặng, hàng hóa công nghiệp quá khổ và thiết bị xây dựng. Với nền tải mở rộng bằng cơ khí và kết cấu khung gầm 3 trục gọn nhẹ, xe thích ứng với hầu hết mọi loại hàng hóa trong hạng 60 tấn.



02 Bản Vẽ và Kích Thước

Bản vẽ kỹ thuật chính thức – CST-MX 3 LOWBED, kèm đầy đủ bảng tham chiếu kích thước.



CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
L	Chiều Dài Tổng Thể	13 600
PL	Chiều Dài Nền	9 000
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4 400
AR	Khoảng Cách Trục	1 500
WB	Chiều Dài Cơ Sở	9 200

CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1 200 / 1 450
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1 450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2 130
W	Chiều Rộng Nền Tải	2 550

TẢI TRỌNG
60.000 kg
SỐ TRỤC VÀ TẢI TRỌNG
3 × 12.000 kg
MỜ RỘNG CƠ KHÍ
250 mm x 2
CHIỀU RỘNG
2550 mm · mở rộng cơ khí 0,5 m
CHỐT VUA / CỔ NGỔNG
2" / 3,5" · Cơ khí
HỆ THỐNG LÁI
1 trục tự lái · tối đa 16° (tùy chọn)

VẬT LIỆU KHUNG GẦM
SSAB S700MC PLUS · S355J2+N
HỆ THỐNG PHANH
2S2M hoặc 4S3M EBS (WABCO) + ABS (tự lái)
HỆ THỐNG ĐIỆN
24V · 2×7 chân SAE · SABA LED
HỆ THỐNG TREO
Treo Khí Nén
SƠN / LỚP PHỦ
Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K
LỚP VÀ VÀNH
245/70 R17.5 · 12+1 · Jantsa/Petlas

GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

03 Độ Bền Vượt Trội

Mỗi chiếc lowbed chúng tôi sản xuất được thiết kế với thép cường độ cao, hệ thống thủy lực tiên tiến và phân bổ trọng lượng tối ưu để mang lại độ an toàn, ổn định và hiệu quả tối đa. Tất cả trang bị dưới đây đều được cung cấp theo tiêu chuẩn.

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

- 1 Trục Nâng (trục trước)
- 200 mm x 2 thu/đuối dốc lên bằng thủy lực
- Mở Rộng Cơ Khí 0,5 m
- Cổ Ngỗng Cơ Khí · 2 Chốt Vua (2"/3,5")
- Dốc Lên Gập Đôi Thủy Lực (10°)
- Hệ Thống Phanh 2S2M EBS (WABCO) + ABS
- Hệ Thống Đèn 24V SABA LED
- Treo Khí Nén · 3 × Trục 12 Tấn
- Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp TPMS
- Điều Khiển Từ Xa Qua Ứng Dụng Di Động
- Thiết kế tháo rời và hệ thống khung gầm châu Âu
- Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K



Độ Bền Đã Được Chứng Minh Thực Tế

trong điều kiện tải thực tế; từ máy móc đến thiết bị rải nhựa đường.



Thêm Tối Đa 500 mm Chiều Rộng

mở rộng 250 mm mỗi bên dọc theo nền tải.



Dốc Lên Gập Đôi Thủy Lực

dễ dàng, an toàn với góc tiếp cận 10°.



Thiết Kế Tháo Rời

dễ sửa chữa, cung cấp phụ tùng lâu dài và đồng nhất về màu sắc.

60 TẤN
Sự ổn định vững chắc.



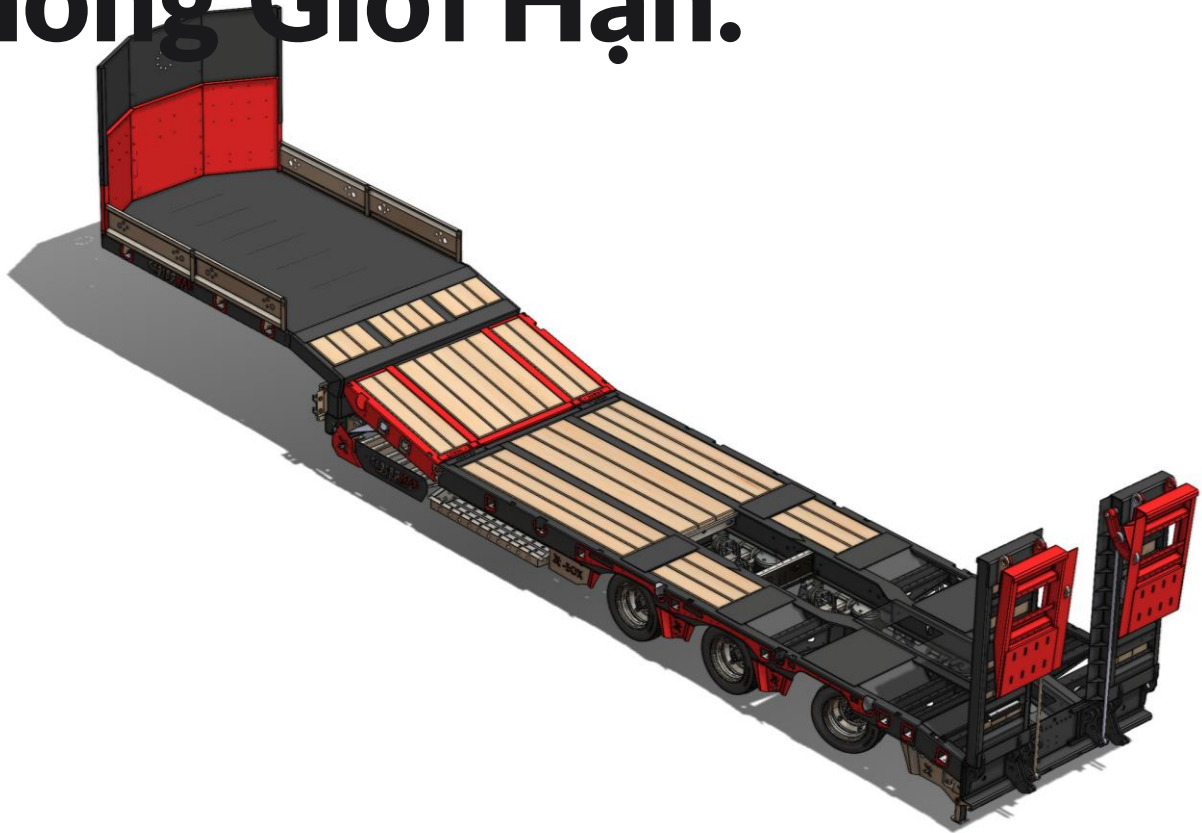
CST-MX 3 LOWBED · CASTROMAX Trailers



Xem
video sản phẩm

Chiều Dài Tải Hàng

Không Giới Hạn.



lowbed mô-đun / lowbed / lowbed lái thủy lực / lowbed kéo dài / lowbed hạ sàn
lowbed mở rộng thủy lực / lowbed nền thủy lực

PRODUCT SERIES

DÒNG ENTRY

CASTROFLEX

SELECTED SERIES

DÒNG PROFESSIONAL

CASTROMAX

DÒNG FLAGSHIP

CASTROMAX

Signature

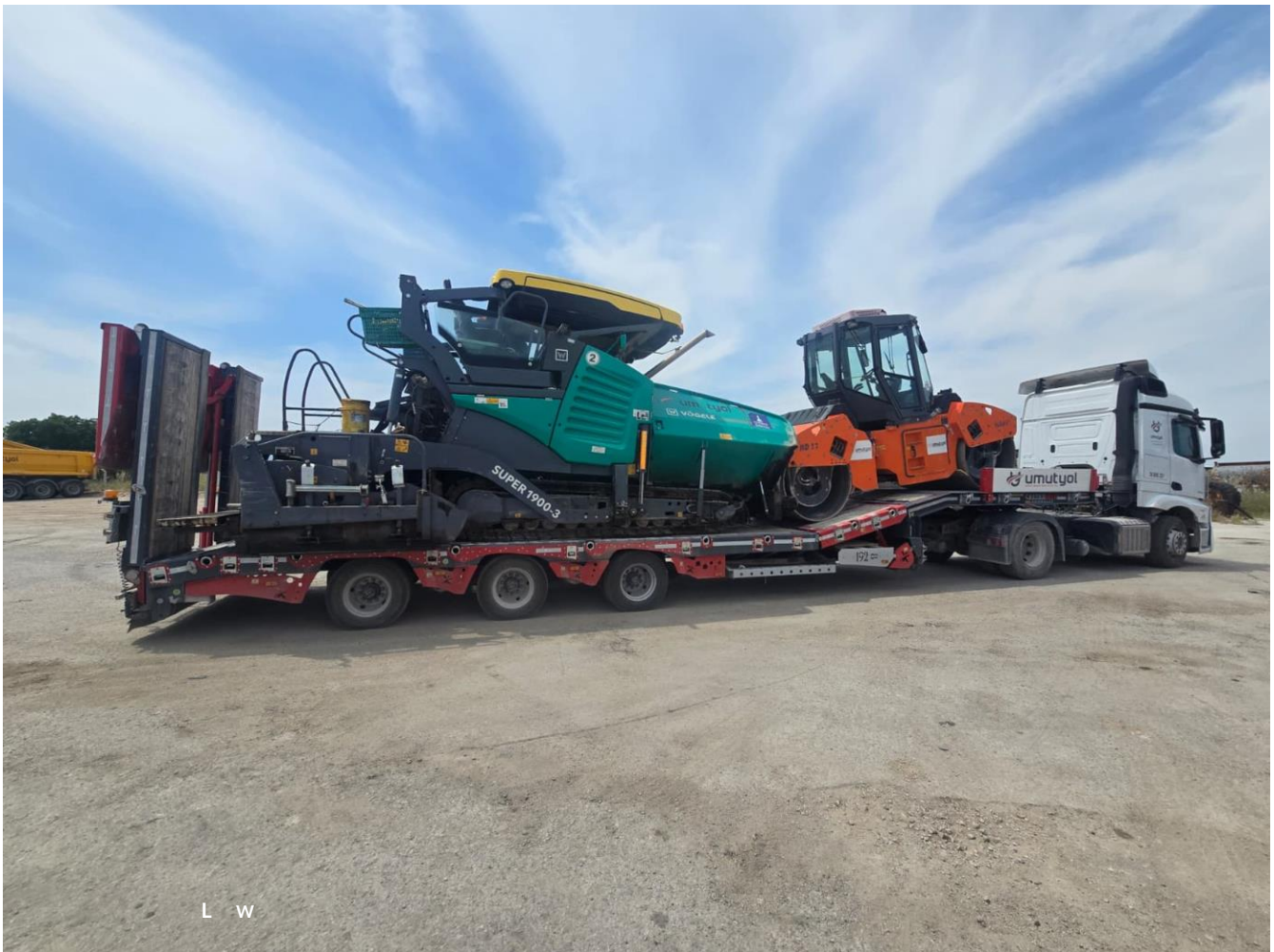
01 TỔNG QUAN



Xem
video sản phẩm

Bao gồm cổ ngỗng, **13,4 mét.**

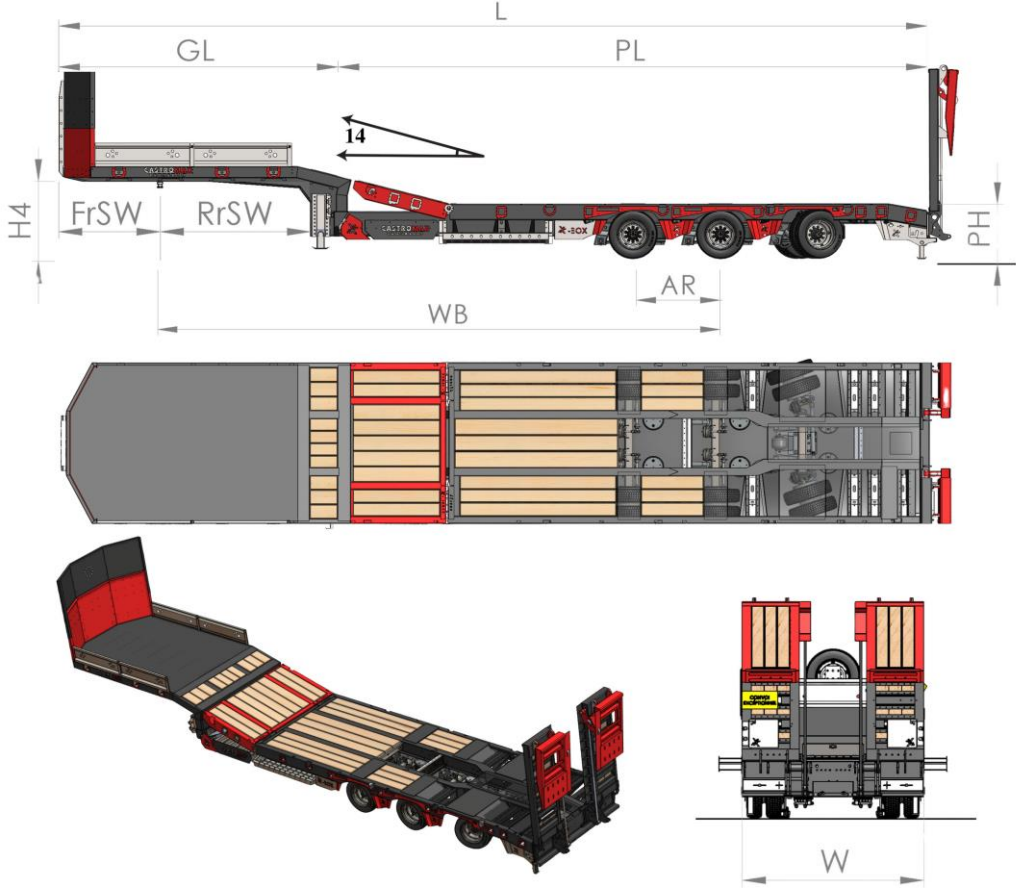
CST-MXHP 3 LOWBED là nền tảng lowbed thủy lực thuộc dòng professional, được thiết kế để vận chuyển máy móc xây dựng hạng nặng, hàng hóa công nghiệp quá khổ, phương tiện hàng hải và thiết bị xây dựng. Nhờ nền thủy lực 14° cho phép tải hàng qua cổ ngỗng, chiều dài tải hiệu dụng được kéo dài từ 9.000 mm đến 13.400 mm – có thể chở đồng thời hai máy như máy rải nhựa và máy lu cùng lúc.



L W

02 Bản Vẽ và Kích Thước

Bản vẽ kỹ thuật chính thức – CST-MXHP 3 LOWBED, kèm đầy đủ bảng tham chiếu kích thước.



CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
L	Chiều Dài Tổng Thể	13 600
PL	Chiều Dài Nền	9000 – 13.400
GL	Chiều Dài Cở Ngõng	4 400
AR	Khoảng Cách Trục	1 360
WB	Chiều Dài Cơ Sở	8 500

CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cở Ngõng	1 200 / 1 450
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1 450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2 130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	2 550 + 500

TẢI TRỌNG

60.000 kg

SỐ TRỤC VÀ TẢI TRỌNG

3 × 12.000 kg • 1 tự lái + 1 nâng

MỜ RỘNG CHIỀU RỘNG VÀ ĐỐC LÊN

250 mm x 2 • đốc lên 200 mm thủy lực

CHIỀU RỘNG

2550 + 500 mm • tổng 3050 mm

CHỐT VUA / CỔ NGÕNG

2" / 3,5" • Nền Thủy Lực (14°)

HỆ THỐNG LÁI

1 tự lái + 1 trục nâng thủy lực

VẬT LIỆU KHUNG GÀM

SSAB S700MC PLUS • S690QL • S355J2+N

HỆ THỐNG PHANH

4S3M EBS (WABCO) + ABS + RSS ổn định chống lật

HỆ THỐNG ĐIỆN

24V • 2×7 chân SAE • SABA LED

HỆ THỐNG TREO

Treo Khí Nén

SƠN / LỚP PHỦ

Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K

LỚP VÀ VÀNH

245/70 R17.5 • 12+1 • Jantsa/Petlas • TPMS

GHI CHÚ

Nhờ nền thủy lực cho phép tải hàng qua cổ ngõng, chiều dài tải hiệu dụng tăng từ 9.000 mm lên 13.400 mm. Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng – giá có thể thay đổi tương ứng.

03 Ưu Điểm Thủy Lực

CST-MXHP 3 LOWBED được thiết kế với hệ thống thủy lực do nội bộ phát triển, thép cường độ cao và phân bố trọng lượng tối ưu. Từ nền cổ ngỗng đến công nghệ trục, tất cả trang bị dưới đây đều được cung cấp theo tiêu chuẩn.

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

- 1 tự lái + 1 trục nâng thủy lực
- Nền Tải Cổ Ngỗng Thủy Lực (14°)
- Mở Rộng Cơ Khí 0,5 m · tổng 3050 mm
- 2 Tấm Chốt Vua (2"/3,5")
- Dốc Lên Gập Đôi Thủy Lực (10°) · dịch ngang 200 mm
- Hệ Thống Phanh 4S3M EBS (WABCO) + ABS + RSS
- Hệ Thống Đèn 24V SABA LED
- Treo Khí Nén · 3 × Trục 12 Tấn
- Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp TPMS
- Khối Nguồn Thủy Lực 24V 2,2 kW · Điều Khiển Từ Xa
- 8 × 2 Vòng Buộc Ro-Ro · Chân Chống 24 Tấn
- Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K



Tải Hàng Qua Cổ Ngỗng

nền thủy lực 14°; chiều dài tải hiệu dụng 13.400 mm.



Dốc Lên Gập Đôi Thủy Lực và Điều Chỉnh Ngang

gập thủy lực cùng mở rộng/thu ngang 200 mm.



Tự Lái + Trục Nâng

bán kính quay nhỏ; tuổi thọ lốp cao hơn và tiết kiệm nhiên liệu khi chạy không tải.

13.400 MM

Khu vực tải hàng liên tục.

w



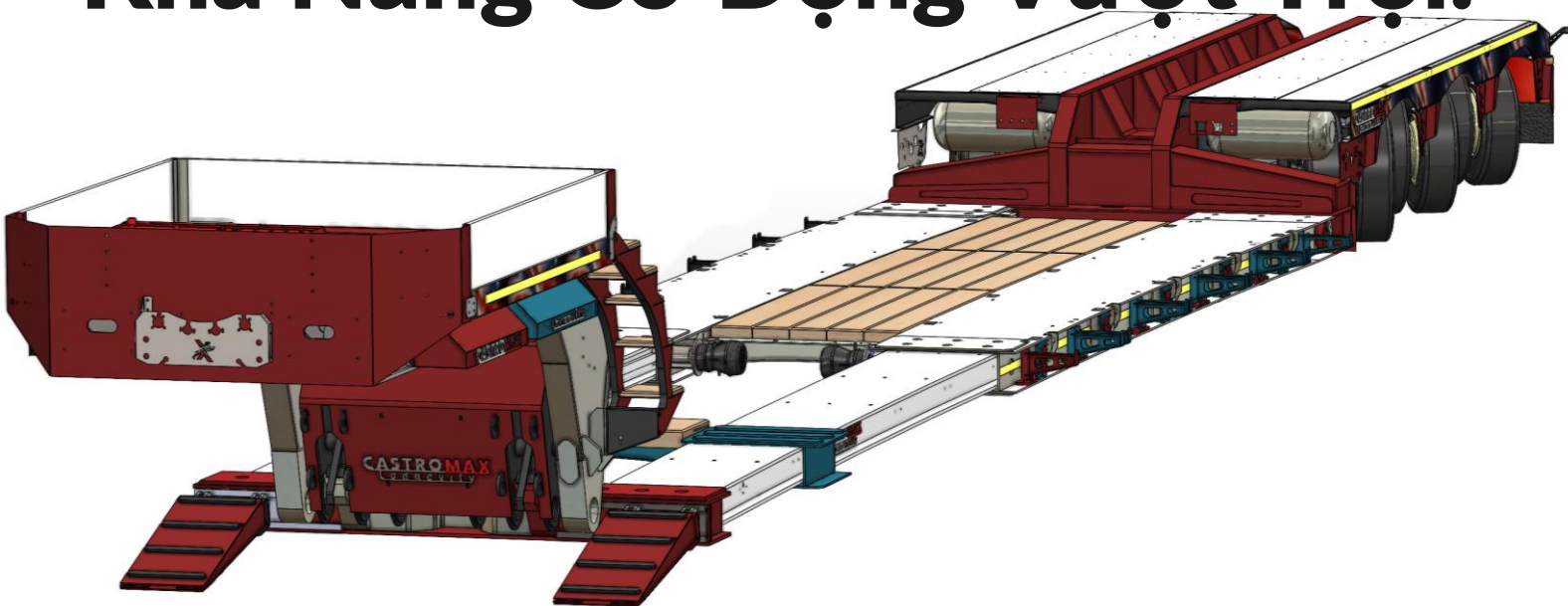
CST-MXHP 3 LOWBED · CASTROMAX Trailers



Xem
video sản phẩm

Trong Vận Chuyển Hạng Nặng

Khả Năng Cơ Động Vượt Trội.



lowbed mô-đun / lowbed / lowbed lái thủy lực / lowbed kéo dài / lowbed hạ sàn
 lowbed mở rộng thủy lực / lowbed nền thủy lực

PRODUCT SERIES

DÒNG ENTRY

CASTROFLEX

SELECTED SERIES

DÒNG PROFESSIONAL

CASTROMAX

DÒNG FLAGSHIP

CASTROMAX

Signature



Nền hạ sàn, điều khiển thủy lực toàn phần.

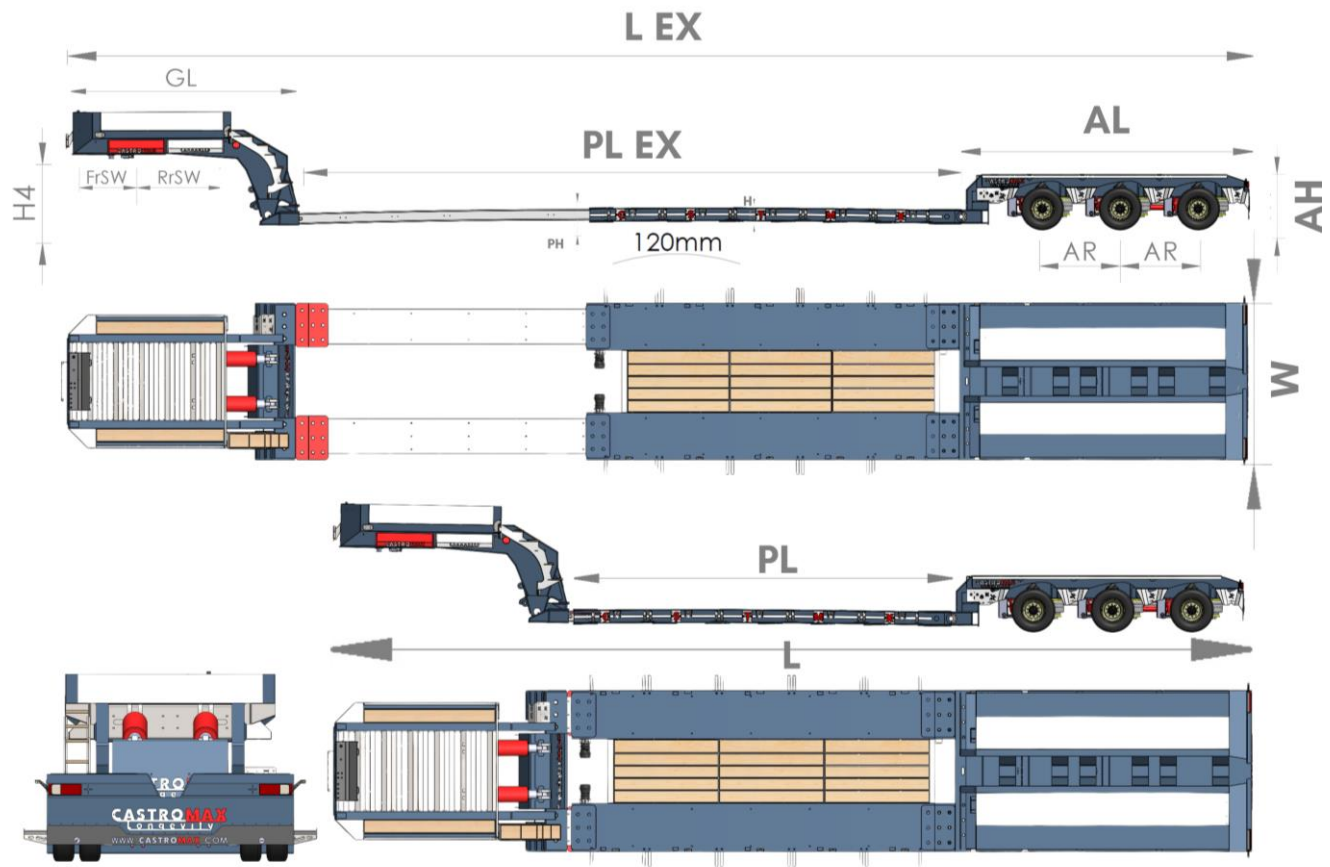
 Xem
video sản phẩm

CST-MXH 3 LOWBED là nền tảng lowbed hạ sàn lái thủy lực thuộc dòng flagship, được thiết kế để vận chuyển máy móc xây dựng hạng nặng, hàng hóa công nghiệp quá khổ và thiết bị xây dựng. Với hệ thống lái thủy lực trên cả ba trục, cổ ngỗng thủy lực tháo rời và mở rộng lồng lên đến 5 mét, xe thích ứng với hầu hết mọi loại hàng hóa trong hạng 60 tấn.



02 Bản Vẽ và Kích Thước

Bản vẽ kỹ thuật chính thức – CST-MXH 3 LOWBED, kèm đầy đủ bảng tham chiếu kích thước.



CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
L	Chiều Dài Tổng Thể	17 650
L EX	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	22 650
PL	Chiều Dài Nền	7 830
PL EX	Chiều Dài Nền Mở Rộng	12 830
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4 375

CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
PH	Chiều Cao Nền (Hành Trình)	320
H	Độ Sâu Hạ Sàn	220
H4	Chiều Cao Tầm Chốt Vua	1450
AR	Khoảng Cách Trục	1500
W	Chiều Rộng Tổng Thể	3 000

TÀI TRỌNG
60.000 kg
SỐ TRỤC VÀ TÀI TRỌNG
3 × 12.000 kg
MỜ RỘNG CƠ KHÍ
250 mm x 2
MỜ RỘNG LỒNG
5000 mm • điều khiển theo giai đoạn
CHỐT VUA / CỔ NGỔNG
2" / 3,5" • Thủy lực tháo rời
HỆ THỐNG LÁI
3 trục lái thủy lực • tối đa 45°

VẬT LIỆU KHUNG GẦM
SSAB S700MC PLUS • S690QL • S355J2+N
HỆ THỐNG PHANH
2S2M EBS (WABCO) + ABS
HỆ THỐNG ĐIỆN
24V • 2×7 chân SAE • SABA LED
HỆ THỐNG TREO
Treo Khí Nén
SƠN / LỚP PHỦ
Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K
LỚP VÀ VÀNH
245/70 R17.5 • 12+1 • Jantsa/Pirelli

GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

03 Độ Bền Vượt Trội

Mỗi chiếc lowbed chúng tôi sản xuất được thiết kế với thép cường độ cao, hệ thống thủy lực tiên tiến và phân bổ trọng lượng tối ưu để mang lại độ an toàn, ổn định và hiệu quả tối đa. Tất cả trang bị dưới đây đều được cung cấp theo tiêu chuẩn.

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

- 3 trục lái thủy lực · tối đa 45°
- Mở rộng lồng 5 m · điều khiển theo giai đoạn
- Mở Rộng Cơ Khí 0,5 m
- cổ ngỗng tháo rời · chốt vua (2"/3,5")
- tải phía trước · dốc lên hỗ trợ bằng lò xo
- Hệ Thống Phanh 2S2M EBS (WABCO) + ABS
- Hệ Thống Đèn 24V SABA LED
- Treo Khí Nén · 3 × Trục 12 Tấn
- Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp TPMS
- Điều Khiển Từ Xa và Bảng Điều Khiển LCD
- giá đỡ hạ sàn có căn chỉnh · thiết kế tháo rời
- Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K



Độ Bền Đã Được Chứng Minh Thực Tế

điều kiện thực địa thực tế; hàng nặng từ cảng đến công trường.



Cổ Ngỗng Tháo Rời

cổ ngỗng tách ra cùng đầu kéo để tải phía trước.



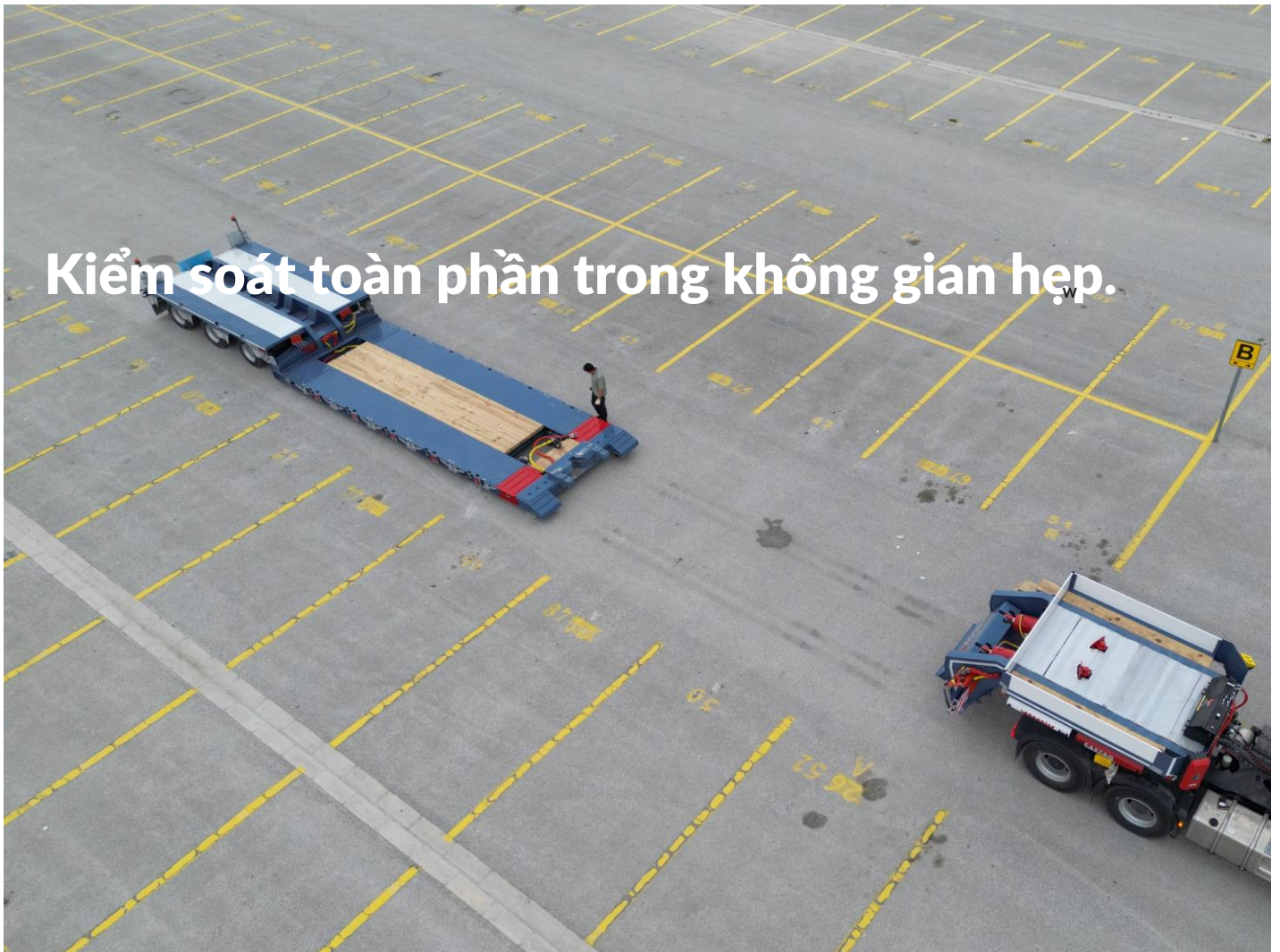
Lái Thủy Lực 45°

nguyên lý Ackermann; cả ba trục lái bằng thủy lực.



Điều Khiển Từ Xa và LCD

lái: đồng bộ với đầu kéo hoặc độc lập.





Xem
video sản phẩm

Cho Hàng Hóa Khắt Khe,

Mở Rộng Giới Hạn.



lowbed mô-đun / lowbed /
hàng sản

lowbed mở rộng thủy lực

/ lowbed kéo dài / lowbed

lowbed lái thủy lực

/ lowbed nền thủy lực

PRODUCT SERIES

DÒNG ENTRY

CASTROFLEX

DÒNG PROFESSIONAL

CASTROMAX

SELECTED SERIES

DÒNG FLAGSHIP

Signature



Xem
video sản phẩm

Dưới tải trọng nặng, kiểm soát toàn phần.

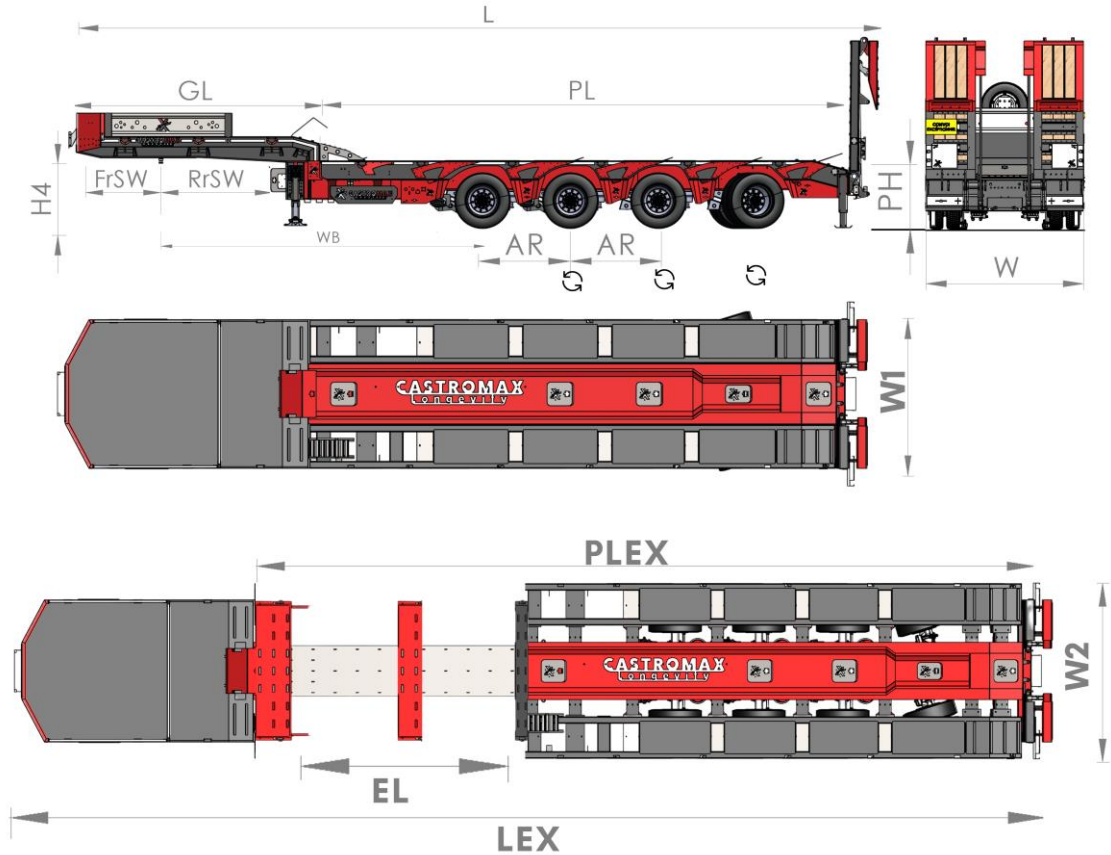
CST-MXW E4 LOWBED là nền tảng lowbed thủy lực thuộc dòng flagship, được thiết kế để vận chuyển máy móc xây dựng hạng nặng, hàng hóa công nghiệp quá khổ, phương tiện hàng hải và thiết bị xây dựng. Với nền tải mở rộng thủy lực, hệ thống lái thủy lực toàn phần trên bốn trục và mở rộng lồng lên đến 4 mét, xe thích ứng với hầu hết mọi loại hàng hóa trong hạng 72 tấn.



CST-MXW E4 LOWBED - Tại Công Trường

02 Bản Vẽ và Kích Thước

Bản vẽ kỹ thuật chính thức – CST-MXW E4 LOWBED, kèm đầy đủ bảng tham chiếu kích thước.



CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
WB	Chiều Dài Cơ Sở	5 380
L	Chiều Dài Tổng Thể	13 600
L EX	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	17 600
PL	Chiều Dài Nền	8 880
PL EX	Chiều Dài Nền Mở Rộng	12 880
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4 400

CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
AR	Khoảng Cách Trục	1 500
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1 200
W	Chiều Rộng Nền (Đóng)	2 550
W2	Chiều Rộng Nền (Mở)	3 150

TẢI TRỌNG

72.000 kg

SỐ TRỤC VÀ TẢI TRỌNG

4 × 12.000 kg

MỞ RỘNG LỒNG

4 m theo giai đoạn

CHIỀU RỘNG

2550 mm · mở rộng thủy lực 0,6 m

CHỐT VUA / CỔ NGỔNG

2" / 3,5" · Thủy lực

HỆ THỐNG LÁI

4 trục thủy lực · tối đa 45°

VẬT LIỆU KHUNG GẦM

SSAB S700MC PLUS · S690QL · S355J2+N

HỆ THỐNG PHANH

2S2M EBS (WABCO) + ABS

HỆ THỐNG ĐIỆN

24V · 2×7 chân SAE · SABA LED

HỆ THỐNG TREO

Treo Khí Nén

SƠN / LỚP PHỦ

Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K

LỐP VÀ VÀNH

245/70 R17.5 · 16+1 · Jantsa/Pirelli

GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

03 Độ Bền Vượt Trội

Mỗi chiếc lowbed chúng tôi sản xuất được thiết kế với thép cường độ cao, hệ thống thủy lực tiên tiến và phân bổ trọng lượng tối ưu để mang lại độ an toàn, ổn định và hiệu quả tối đa. Tất cả trang bị dưới đây đều được cung cấp theo tiêu chuẩn.

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

- Lái Thủy Lực 4 Trục (45°)
- Mở Rộng Lồng Nền 4 m
- Mở Rộng Chiều Rộng Thủy Lực 0,6 m
- Cổ Ngỗng Thủy Lực · Chốt Vua (2"/3,5")
- Dốc Lên Gập Đôi Thủy Lực (Gỗ + Thép)
- Hệ Thống Phanh 2S2M EBS (WABCO) + ABS
- Hệ Thống Đèn 24V SABA LED
- Treo Khí Nén · 4 × Trục 12 Tấn
- Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp TPMS
- Điều Khiển Từ Xa Qua Ứng Dụng Di Động
- Khối Nguồn Thủy Lực BUCHER (4,5 kW)
- Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K



Hệ Thống Chân Chống Thủy Lực

đỡ xe an toàn với chân chống thủy lực tự cân bằng.



Lái Có Kiểm Soát

góc lái tối đa 45°, dựa trên nguyên lý Ackermann.



Khối Điều Khiển Thông Minh

điều khiển chính xác với bảng PLC, bộ mã hóa Kübler và LCD.

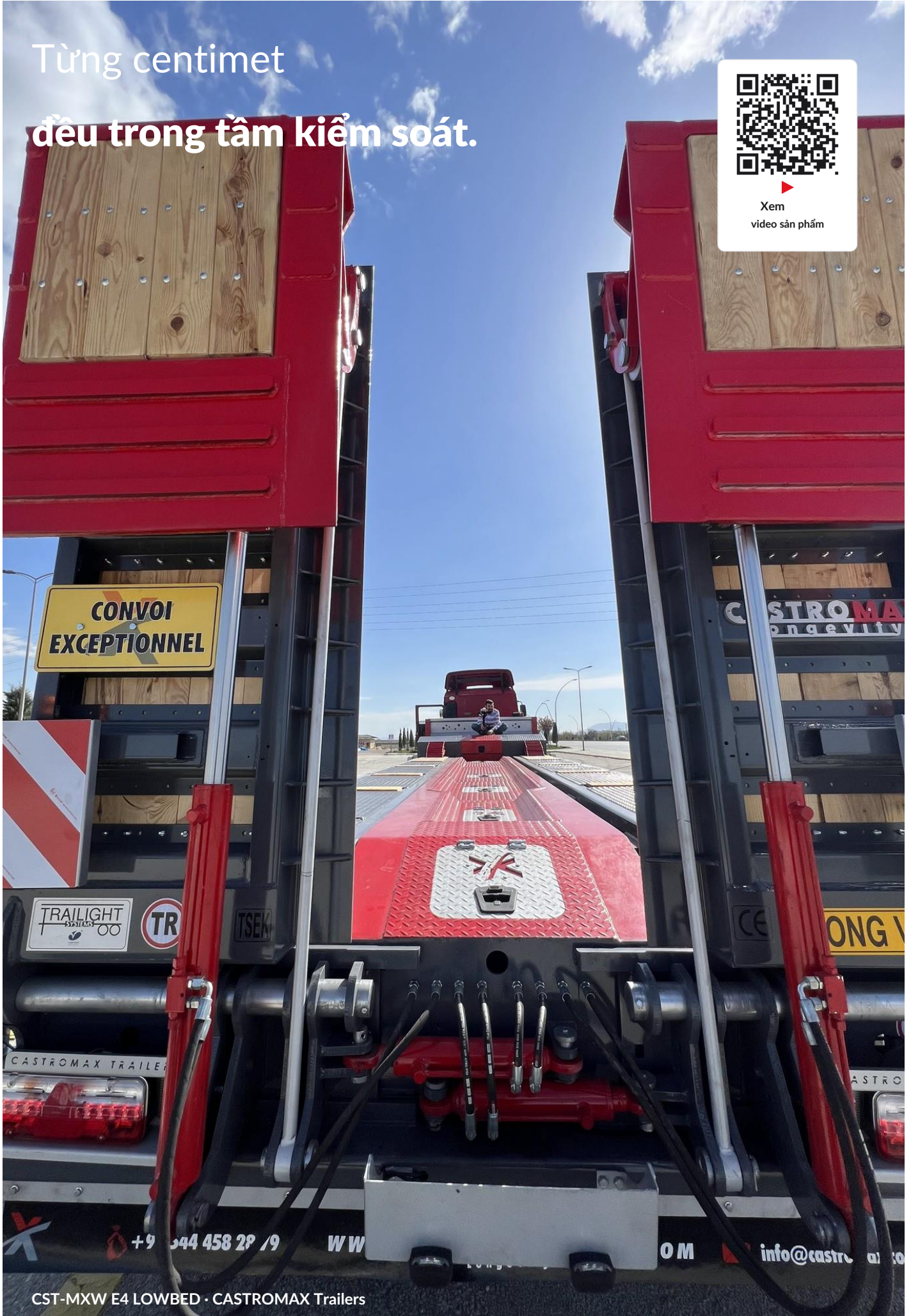
Điều Khiển Góc Lái 45°

đồng bộ với đầu kéo hoặc độc lập; điều khiển từ xa + LCD.

Từng centimet
đều trong tầm kiểm soát.



Xem
video sản phẩm

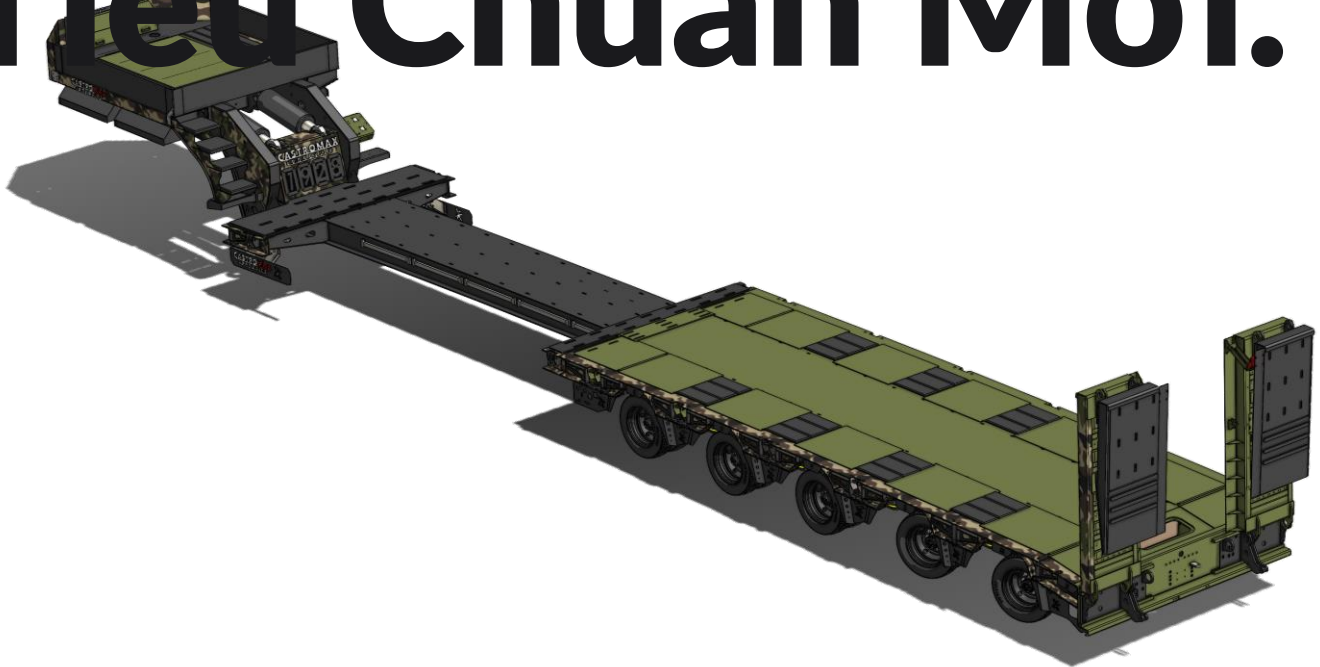




Cho Hàng Hóa Nặng,

Xem
video sản phẩm

Tiêu Chuẩn Mới.



lowbed mô-đun / lowbed / lowbed lái thủy lực / lowbed kéo dài / lowbed hạ sàn
 lowbed mở rộng thủy lực / lowbed nền thủy lực

PRODUCT SERIES

DÒNG ENTRY

CASTROFLEX

SELECTED SERIES

DÒNG PROFESSIONAL

CASTROMAX

DÒNG FLAGSHIP

CASTROMAX

Signature

01 TỔNG QUAN



Xem
video sản phẩm

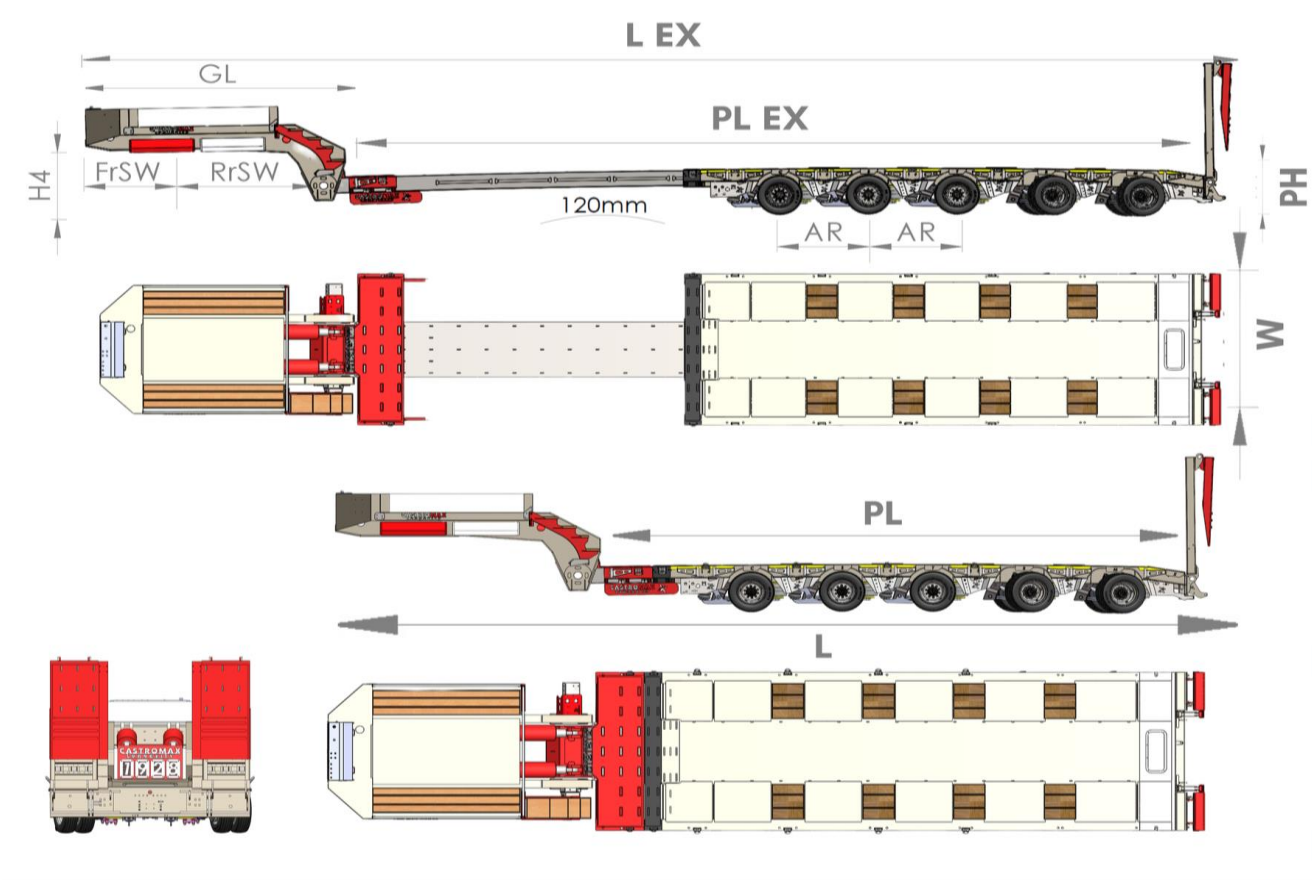
Kỹ thuật không giới hạn.

CST-MXE 5 LOWBED là nền tảng lowbed thủy lực thuộc dòng professional, được thiết kế để vận chuyển máy móc xây dựng hạng nặng, hàng hóa công nghiệp quá khổ và thiết bị xây dựng. Với nền tải mở rộng cơ khí, tự lái trên hai trục và mở rộng lồng lên đến 5 mét; xe thích ứng với hầu hết mọi loại hàng hóa trong hạng 84 tấn.



02 Bản Vẽ và Kích Thước

Bản vẽ kỹ thuật chính thức – CST-MXE 5 LOWBED, kèm đầy đủ bảng tham chiếu kích thước.



CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
L	Chiều Dài Tổng Thể	14 600
L EX	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	19 600
PL	Chiều Dài Nền	9 600
PL EX	Chiều Dài Nền Mở Rộng	14 600
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4 375
AR	Khoảng Cách Trục	1 500

CODE	DESCRIPTION	VALUE (mm)
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1 450
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1 450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2 130
W	Chiều Rộng Nền Tải	3 000

TẢI TRỌNG

84.000 kg

SỐ TRỤC VÀ TẢI TRỌNG

5 × 12.000 kg

MỞ RỘNG LỒNG

5 m theo giai đoạn

CHIỀU RỘNG

3000 mm · mở rộng cơ khí 0,5 m

CHỐT VUA / CỔ NGỔNG

2" / 3,5" · Thủy lực

HỆ THỐNG LÁI

2 trục tự lái · tối đa 16°

VẬT LIỆU KHUNG GẦM

SSAB S700MC PLUS · S690QL · S355J2+N

HỆ THỐNG PHANH

4S3M EBS (WABCO) + ABS

HỆ THỐNG ĐIỆN

24V · 2×7 chân SAE · SABA LED

HỆ THỐNG TREO

Treo Khí Nén

SƠN / LỚP PHỦ

Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K

LỚP VÀ VÀNH

245/70 R17.5 · 20+1 · Jantsa/Petlas

GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

03 Độ Bền Vượt Trội

Mỗi chiếc lowbed chúng tôi sản xuất được thiết kế với thép cường độ cao, hệ thống thủy lực tiên tiến và phân bố trọng lượng tối ưu để mang lại độ an toàn, ổn định và hiệu quả tối đa. Tất cả trang bị dưới đây đều được cung cấp theo tiêu chuẩn.

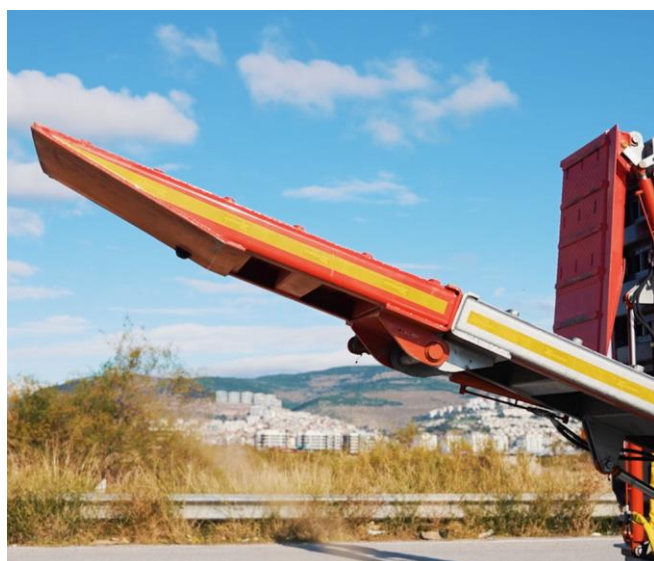
TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

- Hệ Thống Tự Lái 2 Trục (16°)
- Mở Rộng Lồng Nền 5 m
- Mở Rộng Cơ Khí 0,5 m
- Cổ Ngỗng Thủy Lực · 2 Chốt Vua (2"/3,5")
- Dốc Lên Gập Đôi Thủy Lực (10°)
- Hệ Thống Phanh 4S3M EBS (WABCO) + ABS
- Hệ Thống Đèn 24V SABA LED
- Treo Khí Nén · 5 × Trục 12 Tấn
- Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp TPMS
- Điều Khiển Từ Xa Qua Ứng Dụng Di Động
- Điều Khiển Mở Rộng Buồng Phanh Lò Xo
- Phun Cát + Sơn Lót Epoxy + Sơn Acrylic 2K



Độ Bền Đã Được Chứng Minh Thực Tế

trong điều kiện tải thực tế; từ máy móc đến container.



Dốc Lên Gập Đôi Thủy Lực

dễ dàng, an toàn với góc tiếp cận 10°.



Tải Trọng Theo Giai Đoạn

tải trọng kiểm soát 84 / 76 / 69,5 / 64 / 59 / 55 tấn.



Điều Khiển Từ Xa Thông Minh

vận hành không dây qua bảng cảm ứng và ứng dụng di động.

Sức mạnh và cân bằng
cho mọi loại hàng hóa.



Xem
video sản phẩm



CST-MXE 5 LOWBED · CASTROMAX Trailers

03 TECHNICAL DRAWINGS

Chương trình lowbed đa dạng hơn.

Ngoài năm nền tảng nổi bật, CASTROMAX còn sản xuất cùng kết cấu lowbed với hai, ba, bốn và năm trục — tiêu chuẩn, kéo dài và hạ sàn. Các trang tiếp theo cung cấp bản vẽ kỹ thuật chính thức và bảng kích thước cho từng loại.

31

CST-MX 2 LOWBED

2 Trục · Tiêu Chuẩn

• L 13.600 mm

32

CST-MX 4 LOWBED

4 Trục · Tiêu Chuẩn

• L 13.600 mm

33

CST-MX 5 LOWBED

5 Trục · Tiêu Chuẩn

• L 13.600 mm

34

CST-MXE 2 LOWBED

2 Trục · Kéo Dài

• L 13.600 mm

35

CST-MXE 3 LOWBED

3 Trục · Kéo Dài

• L 13.600 mm

36

CST-MXE 4 LOWBED

4 Trục · Kéo Dài

• L 13.600 mm

37

CST-MXE 5 LOWBED

5 Trục · Kéo Dài

• L 13.600 mm

38

CST-MXE H4 TIEFBETT

4 Trục · Hạ Sàn

• L 22.150 mm

39

CST-MXE H5 TIEFBETT

5 Trục · Hạ Sàn

• L 23.650 mm

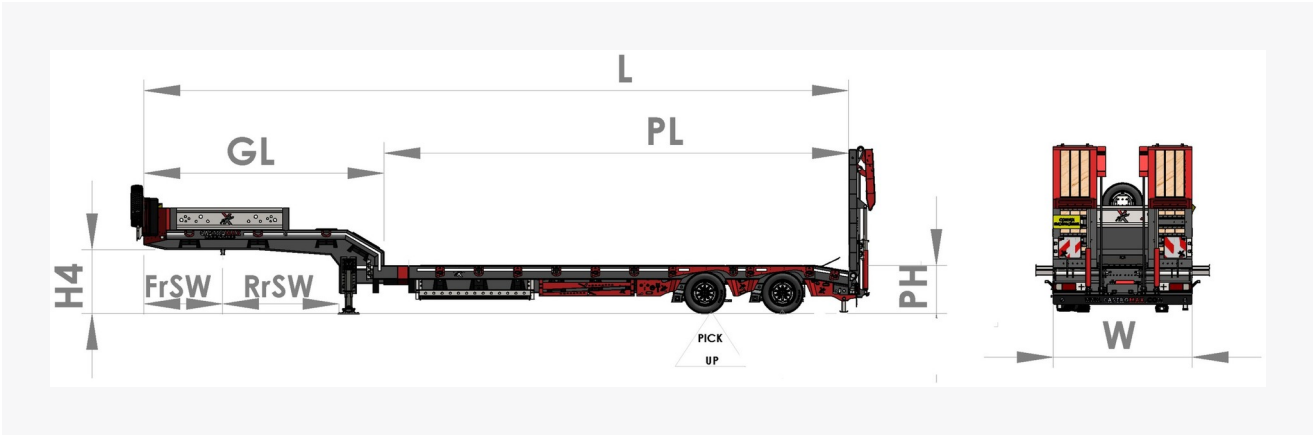
GHI CHÚ

Bản vẽ không theo tỷ lệ. Tất cả kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn đặt hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MX 2 LOWBED

2 Trục · Lowbed Thủy Lực Tiêu Chuẩn



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
WB	Chiều Dài Cơ Sở	9,350
L	Chiều Dài Tổng Thể	13,600
PL	Chiều Dài Nền	9,000
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,400
AR	Khoảng Cách Trục	1,420

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,200
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	2,550

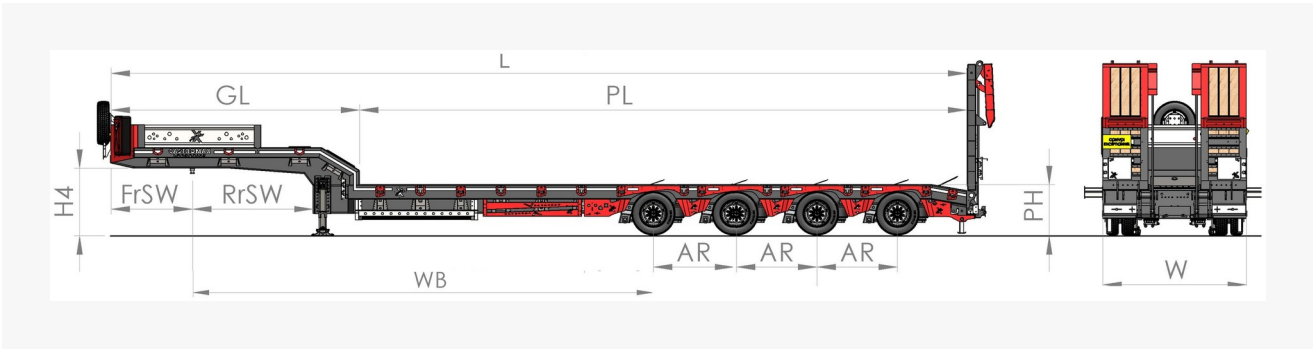
GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng – giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MX 4 LOWBED

4 Trục · Lowbed Thủy Lực Tiêu Chuẩn



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
WB	Chiều Dài Cơ Sở	7,930
L	Chiều Dài Tổng Thể	13,600
PL	Chiều Dài Nền	9,000
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,400
AR	Khoảng Cách Trục	1,420

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,200
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	2,550

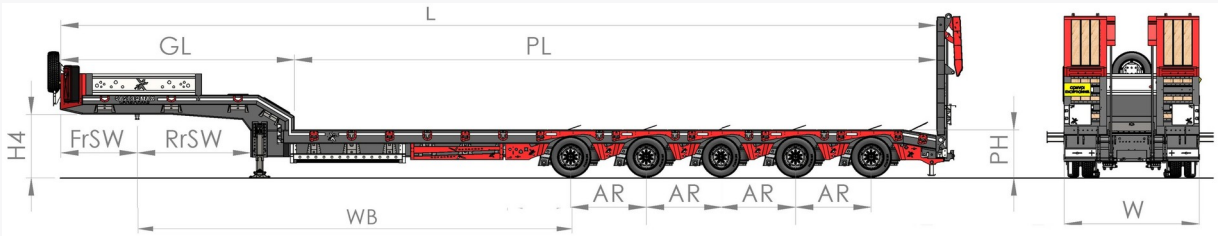
GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng – giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MX 5 LOWBED

5 Trục · Lowbed Thủy Lực Tiêu Chuẩn



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
WB	Chiều Dài Cơ Sở	6,190
L	Chiều Dài Tổng Thể	13,600
PL	Chiều Dài Nền	9,000
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,400
AR	Khoảng Cách Trục	1,500

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,200
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	2,550

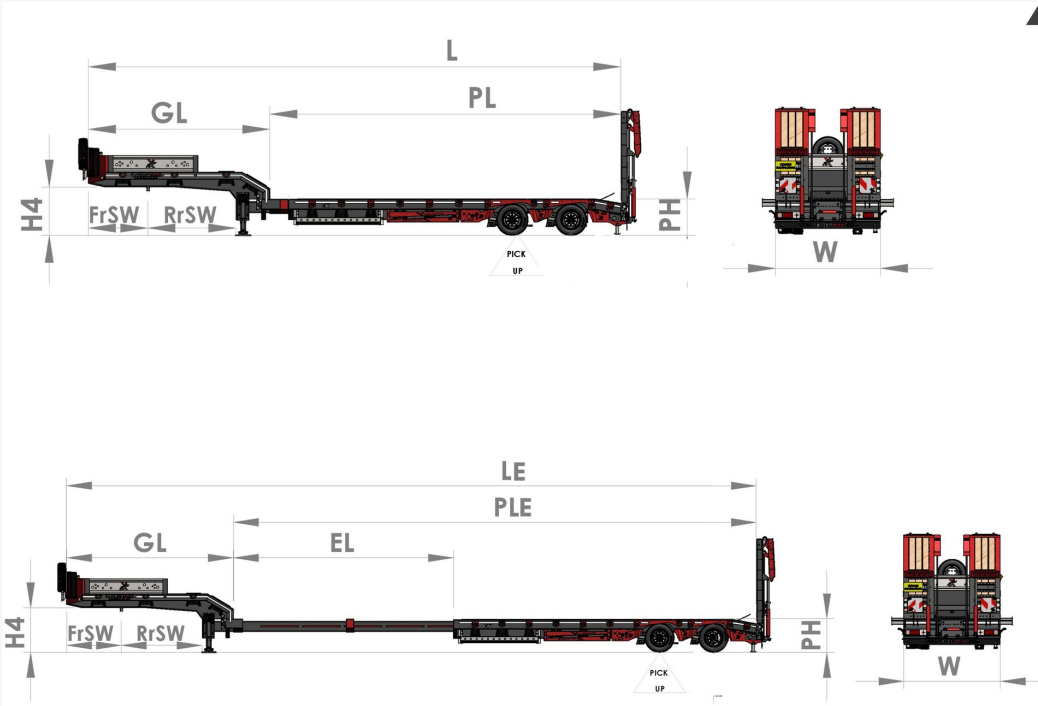
GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng – giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MXE 2 LOWBED

2 Trục · Lowbed Thủy Lực Kéo Dài



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ	CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
WB	Chiều Dài Cơ Sở	9,350	AR	Khoảng Cách Trục	1,420
L	Chiều Dài Tổng Thể	13,600	PH	Chiều Cao Nền	900
LE	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	18,600	H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,200
PL	Chiều Dài Nền	9,000	FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
PLE	Chiều Dài Nền Mở Rộng	14,000	RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,400	W	Chiều Rộng Tổng Thể	2,550

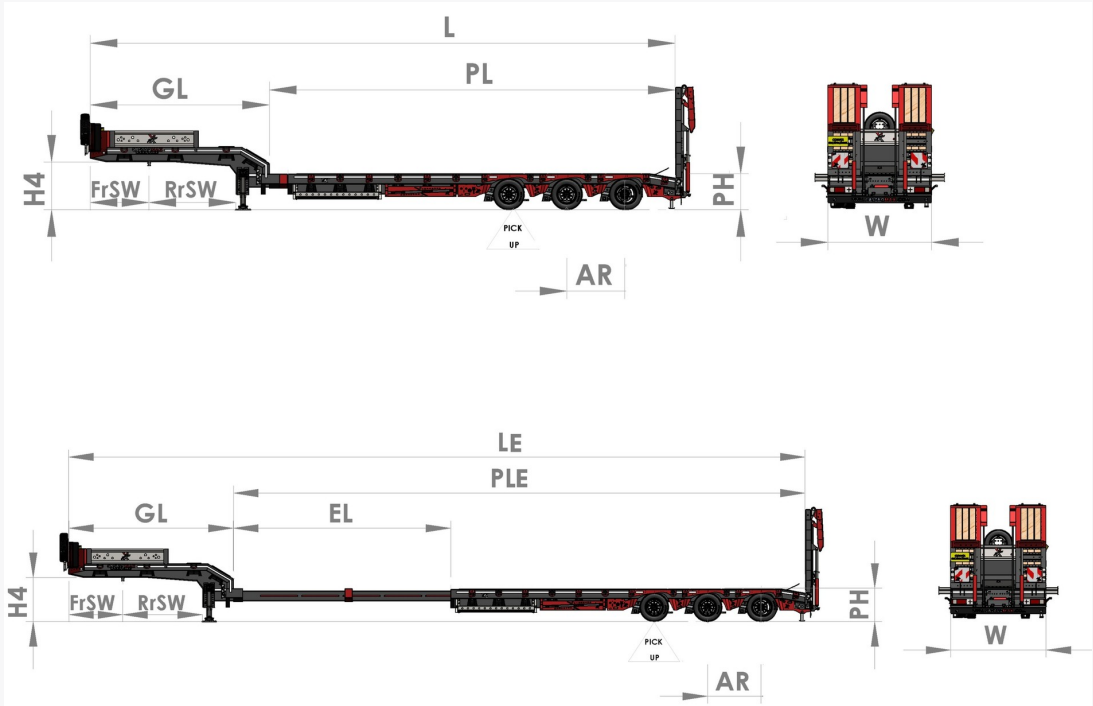
GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MXE 3 LOWBED

3 Trục · Lowbed Thủy Lực Kéo Dài



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
WB	Chiều Dài Cơ Sở	9,350
L	Chiều Dài Tổng Thể	13,600
LE	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	18,600
PL	Chiều Dài Nền	9,000
PLE	Chiều Dài Nền Mở Rộng	14,000
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,400

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
AR	Khoảng Cách Trục	1,420
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,200
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	2,550

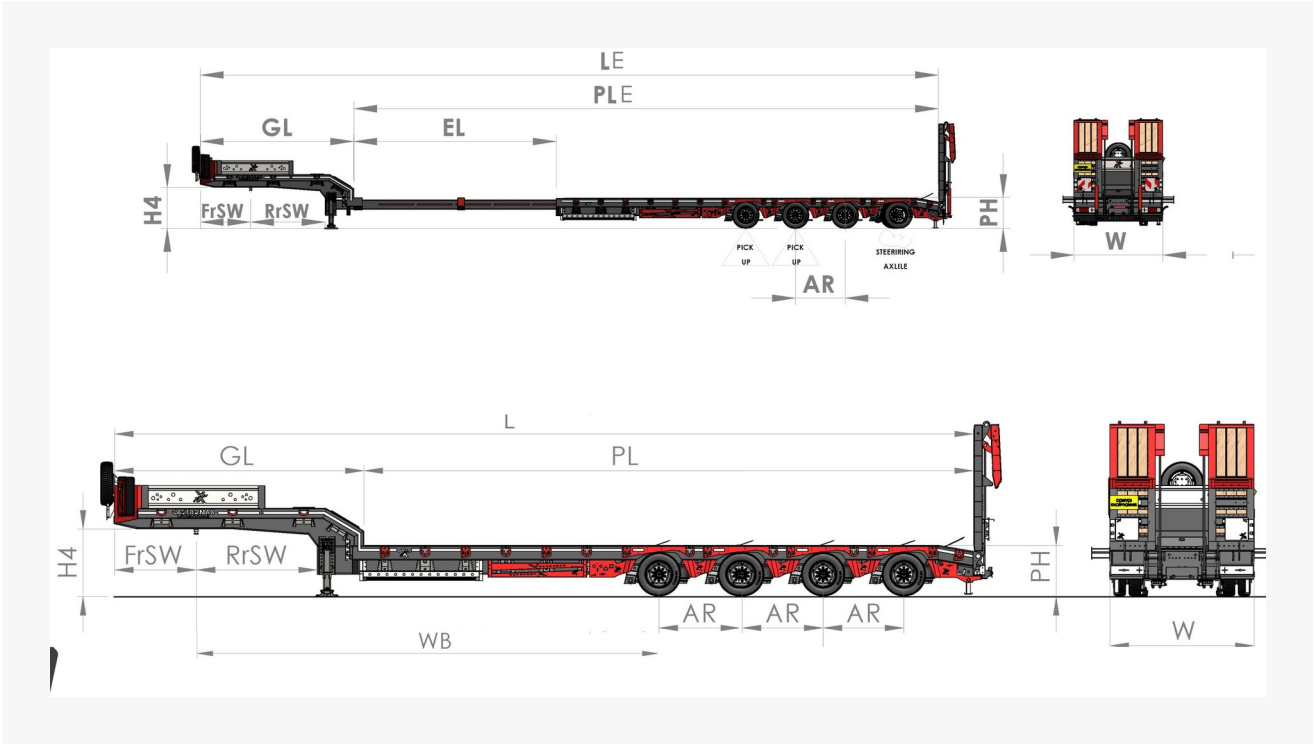
GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MXE 4 LOWBED

4 Trục · Lowbed Thủy Lực Kéo Dài



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
WB	Chiều Dài Cơ Sở	7,690
L	Chiều Dài Tổng Thể	13,600
LE	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	18,600
PL	Chiều Dài Nền	9,000
PLE	Chiều Dài Nền Mở Rộng	14,000
EL	Chiều Dài Mở Rộng	5,000
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,400

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
AR	Khoảng Cách Trục	1,500
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,200
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	2,550

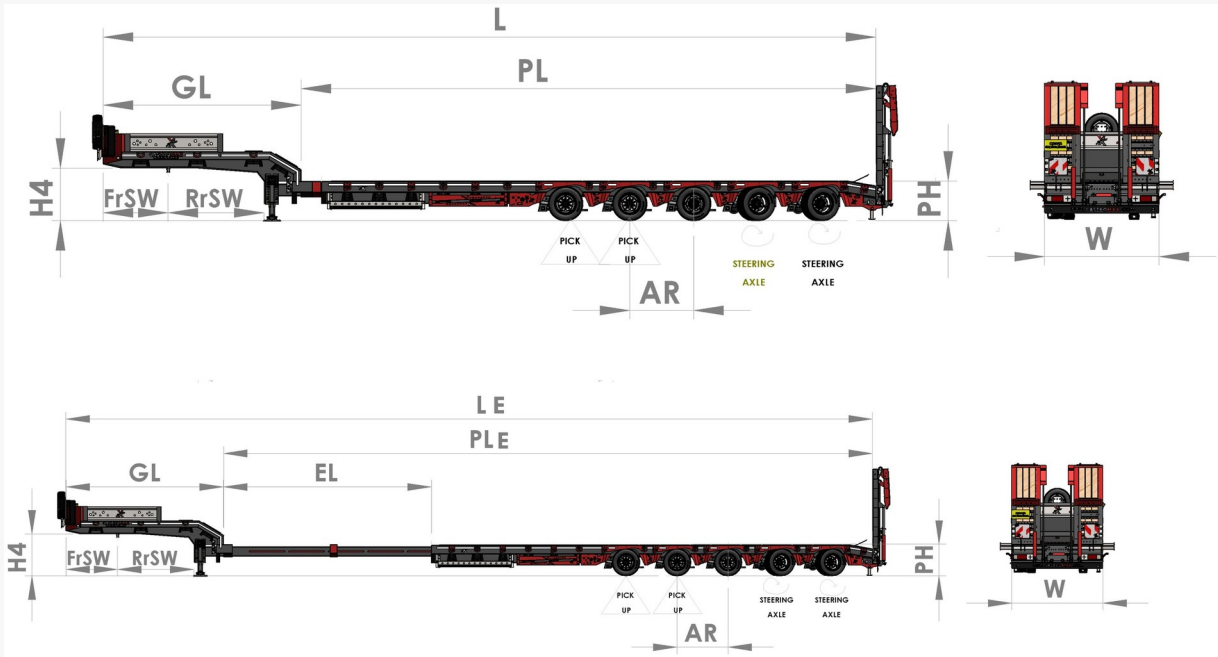
GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MXE 5 LOWBED

5 Trục · Lowbed Thủy Lực Kéo Dài



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
WB	Chiều Dài Cơ Sở	6,190
L	Chiều Dài Tổng Thể	13,600
LE	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	18,600
PL	Chiều Dài Nền	9,000
PLE	Chiều Dài Nền Mở Rộng	14,000
EL	Chiều Dài Mở Rộng	5,000
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,400

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
AR	Khoảng Cách Trục	1,500
PH	Chiều Cao Nền	900
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,200
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	2,550

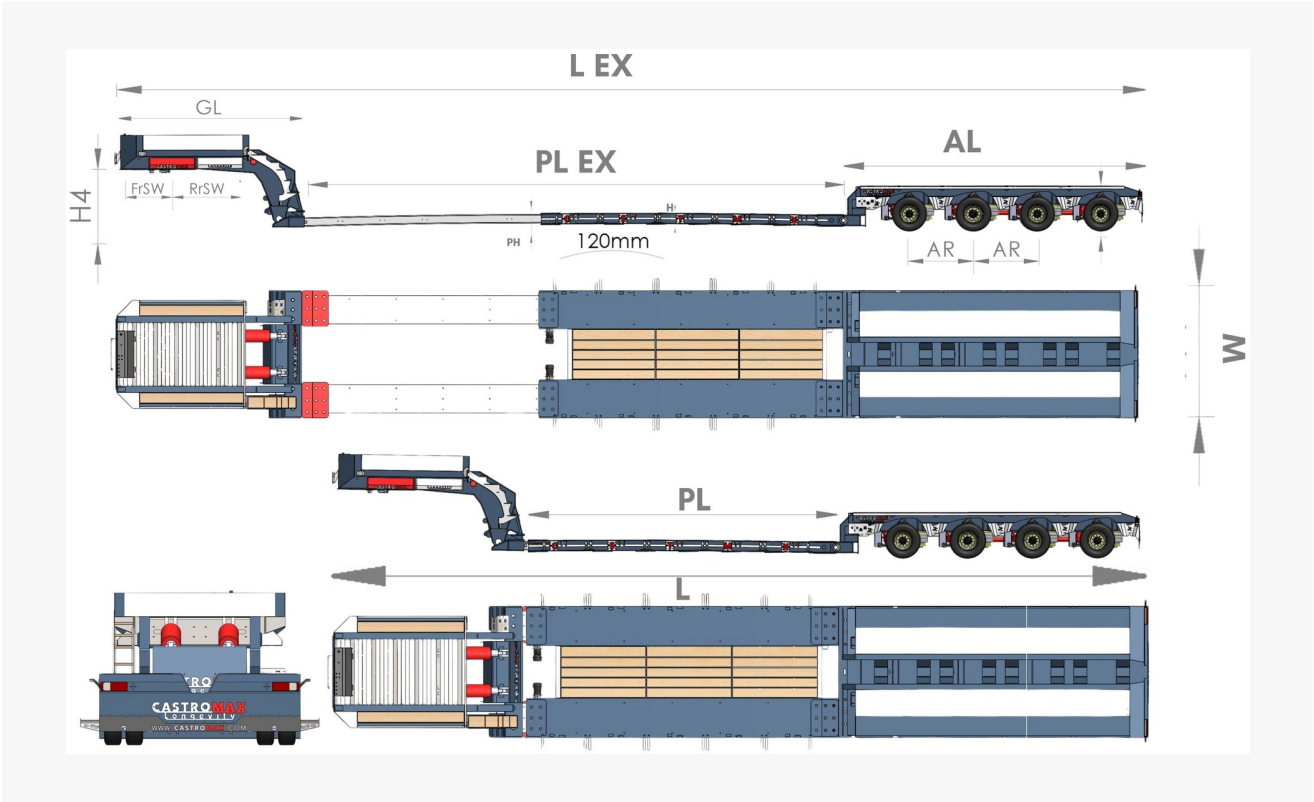
GHI CHÚ

Mẫu xe này cũng có một phần đầy đủ trong catalogue này (trang 25). Khi số liệu khác nhau, thông số trong phần đó là chính xác – vui lòng xác nhận ở giai đoạn đặt hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MXE H4 TIEFBETT

4 Trục · Lowbed Hạ Sàn Kéo Dài



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
L	Chiều Dài Tổng Thể	22,150
L EX	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	29,150
PL	Chiều Dài Nền	10,830
PL EX	Chiều Dài Nền Mở Rộng	17,830
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,375
AR	Khoảng Cách Trục	1,500
AL	Chiều Dài Cụm Trục	6,945

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
H	Chiều Cao Cầu Nối	220
PH	Chiều Cao Nền	320
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,450
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	3,000

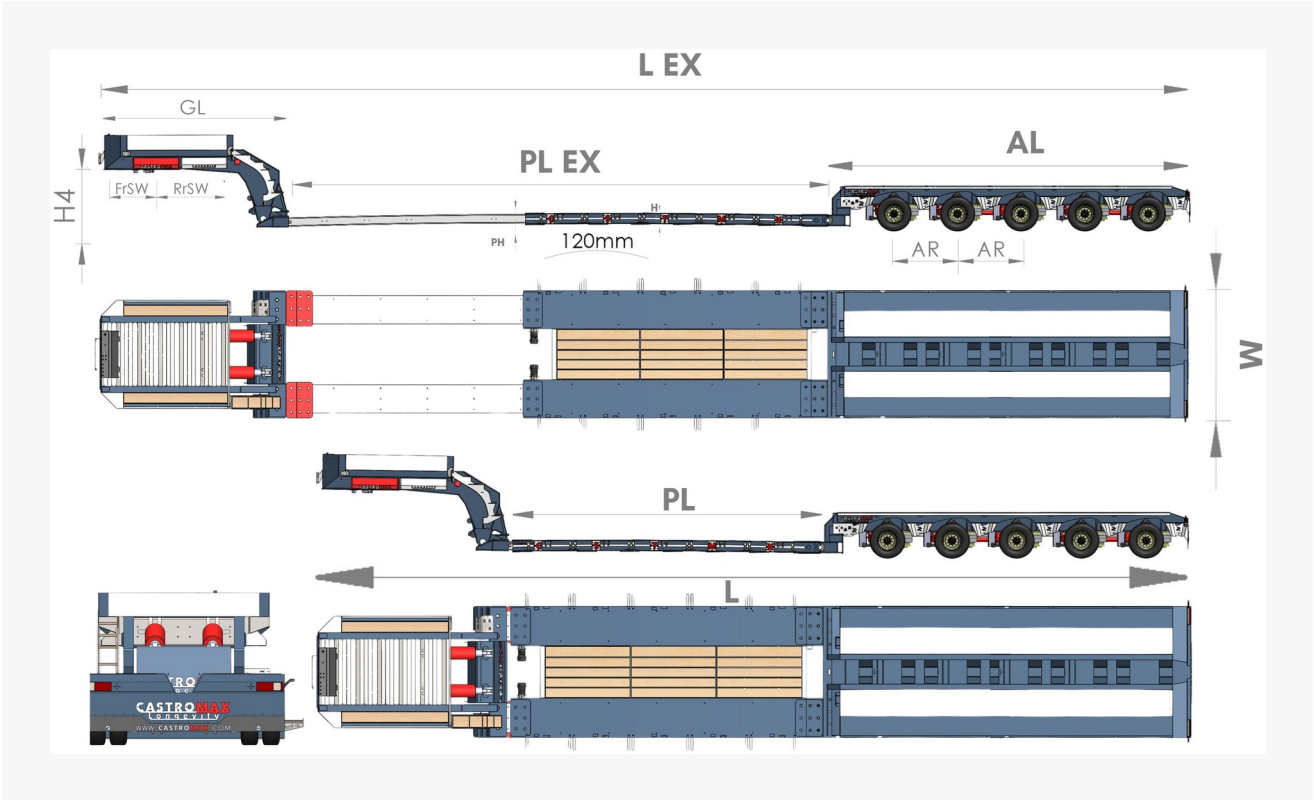
GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

TECHNICAL DRAWING VÀ DIMENSIONS

CST-MXE H5 TIEFBETT

5 Trục · Lowbed Hạ Sàn Kéo Dài



THAM CHIẾU KÍCH THƯỚC

Tất cả giá trị tính bằng milimet

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
L	Chiều Dài Tổng Thể	23,650
L EX	Tổng Chiều Dài Mở Rộng	30,650
PL	Chiều Dài Nền	10,830
PL EX	Chiều Dài Nền Mở Rộng	17,830
GL	Chiều Dài Cổ Ngỗng	4,375
AR	Khoảng Cách Trục	1,500
AL	Chiều Dài Cụm Trục	8,445

CODE	DESCRIPTION	GIÁ TRỊ
H	Chiều Cao Cầu Nối	220
PH	Chiều Cao Nền	320
H4	Tổng Chiều Cao Cổ Ngỗng	1,450
FRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Trước	1,450
RRSW	Chiều Rộng Xoay Phía Sau	2,130
W	Chiều Rộng Tổng Thể	3,000

GHI CHÚ

Kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng – giá có thể thay đổi tương ứng. Vui lòng nêu rõ kích thước yêu cầu ở giai đoạn xác nhận đơn hàng.

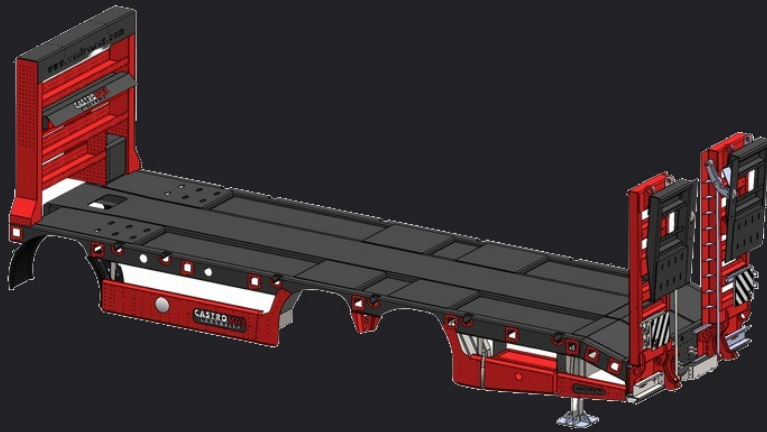
04 VEHICLE MOUNTED



Xem
video sản phẩm

Lowbed, lắp trên xe tải.

CST-MX-VM là thân low-bed lắp trên xe, được chế tạo trực tiếp trên khung gầm xe tải. Nó sử dụng cùng công nghệ dốc lên, mở rộng ngang và buộc hàng như dòng rơ moóc, trong một thân xe cứng được thiết kế theo đặc tính cơ khí của xe cơ sở.



9,200

MM CHIỀU DÀI THÂN XE

2,540

MM CHIỀU RỘNG TỔNG THỂ

400

MM MỞ RỘNG DỐC LÊN

14°

GÓC TIẾP CẬN DỐC LÊN

TRONG PHẦN NÀY

41 Bố Trí Tổng Thể và Kích Thước

43 Cơ Cấu Dốc Lên và Dịch Ngang

45 Kết Cấu Trên và Trang Bị

47 Hình Ảnh · Tại Công Trường

42 Cụm Nền và Dốc Lên

44 Hình Học Dốc Lên và Khung Phụ Chính

46 Hoàn Thiện, Vật Liệu và Phạm Vi Cung Cấp

GHI CHÚ

Thông số trên các trang tiếp theo được lấy từ bộ bản vẽ kỹ thuật CST-MX-VM. Kích thước và trang bị có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giả có thể thay đổi tương ứng.

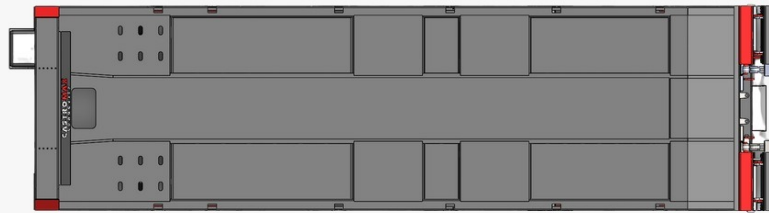
GENERAL ARRANGEMENT VÀ DIMENSIONS

CST-MX-VM LOW-BED

Low-Bed lắp trên xe • bố trí tổng thể



Xem
video sản phẩm



KÍCH THƯỚC CHÍNH

Chiều dài nền (trung bình)	8300 mm	Tổng chiều dài thân xe	9200 mm
Chiều rộng tổng thể	2540 mm	Chiều cao tấm chắn đầu	300 + 140 mm
Mở rộng ngang	250 mm × 2	Góc tiếp cận dốc lên tối thiểu	14°

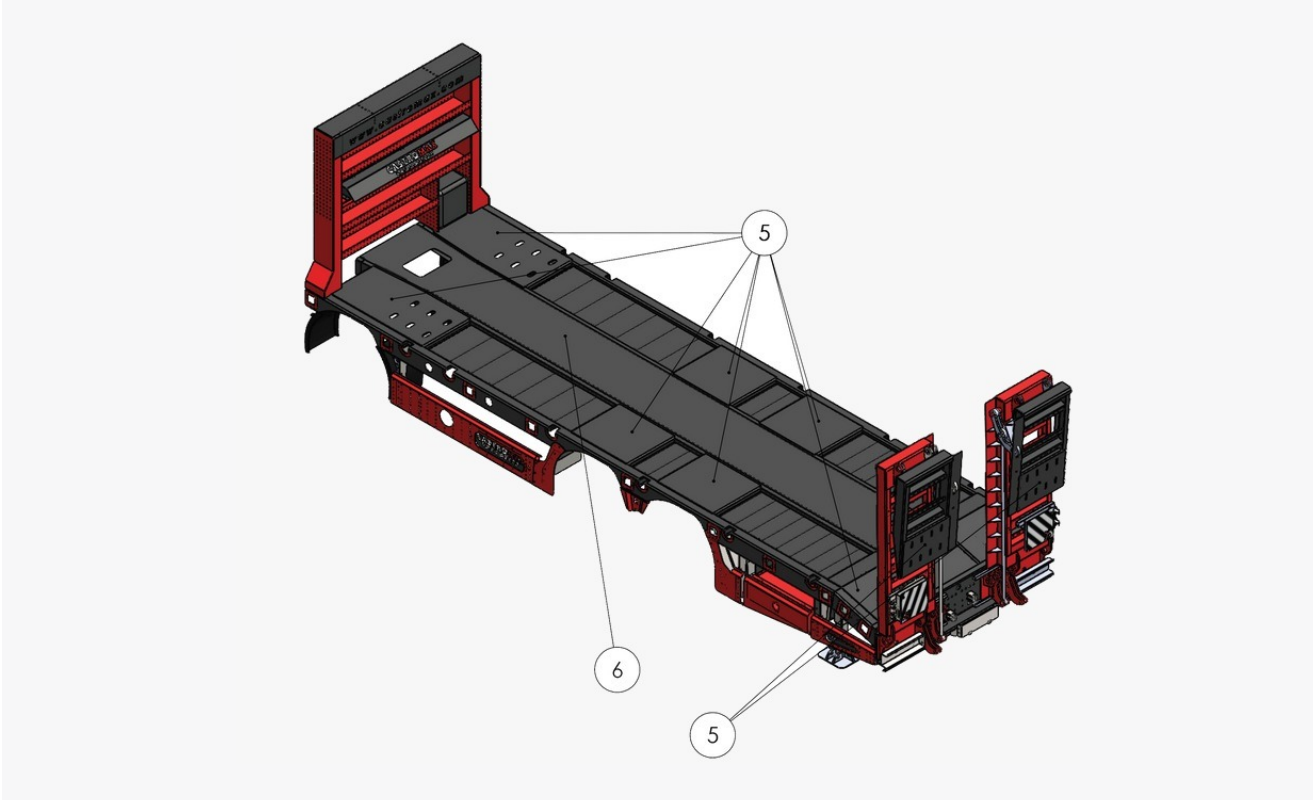
GHI CHÚ BỐ TRÍ

- chiều rộng tổng thể 2540 mm bao gồm viền bên và mặt ngoài của các ngăn kéo trượt.
- tấm chắn đầu được thiết kế bằng với đường nóc cabin.
- hai ngăn kéo mở rộng ngang mỗi bên 250 mm; các tấm mở rộng ngang được cung cấp kèm theo xe.
- tang tời điện 13.500 lb được lắp theo tiêu chuẩn.
- dốc lên dài: bề mặt tấm với thanh dẹt phủ trên. dốc lên ngắn: gỗ và tấm phủ.

PLATFORM VÀ RAMP ASSEMBLY

CST-MX-VM LOW-BED

Tấm sàn • kết cấu dốc lên



THÔNG SỐ LINH KIỆN

Số thứ tự tham chiếu đến bản vẽ ở trên

5	tấm hoa văn giọt nước 5 × 6 mm (CETA)
6	tấm hoa văn giọt nước 3 × 4 mm
7	trục giữ dốc lên dài Ø 80 mm (mác 1040)
8	tấm khung dốc lên 8 mm (S355J2+N · dòng 6052)
9	chi tiết kết nối tại dốc lên 10 mm (S355J2+N · dòng 6052)
10	đòn bẩy lệch tâm 20 mm (S355J2+N · dòng 6052)
11	trục giữ dốc lên ngắn Ø 60 mm (mác 1040)
12	thanh ngang trong dốc lên 5 mm (S355J2+N · dòng 6052)
13	trục lệch tâm, ống 60 × 30 (thiết kế chốt điều chỉnh)

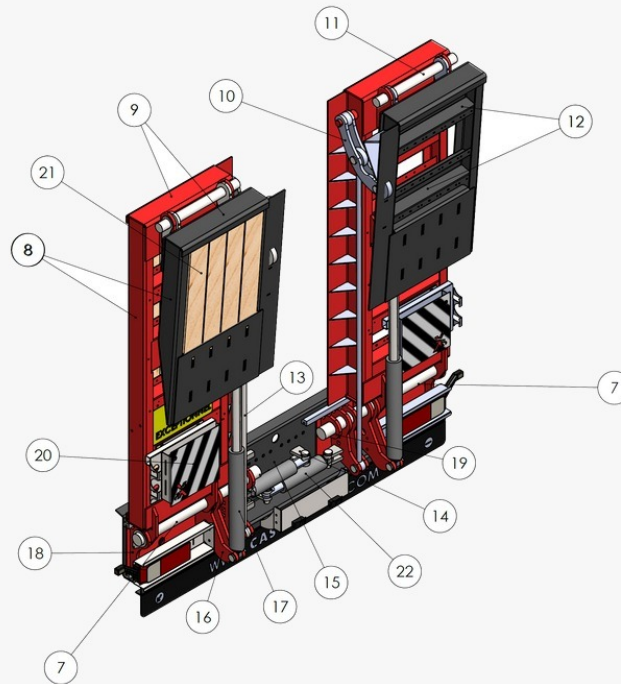
GHI CHÚ

Số thứ tự tương ứng với bản vẽ lắp ráp CST-MX-VM. Độ dày tấm và mác vật liệu là thông số cố định và không bị giảm bớt trong bất kỳ phiên bản nào.

RAMP MECHANISM VÀ SIDE SHIFT

CST-MX-VM LOW-BED

Xi lanh · tai · hệ thống dịch ngang



THÔNG SỐ LINH KIỆN

Số thứ tự tham chiếu đến bản vẽ ở trên

- | | |
|-------|---|
| 14 | tai lắp xi lanh dịch ngang dốc lên 20 mm (S355J2+N · dòng 6052) |
| 15 | ba đỡ sốc sau 8 mm (S355J2+N · dòng 6052) |
| 16 | tai lắp xi lanh nâng/hạ dốc lên 20 mm (S355J2+N · dòng 6052) |
| 17 | xi lanh nâng/hạ dốc lên — ống Ø 70 × 85 mm, ty Ø 50 mm, hành trình 650 mm |
| 18-19 | tai giữ dốc lên 20 mm (S355J2+N · dòng 6052) |
| 20 | phản quang trượt ngang 3 mm, mác S235 (di động, có kết nối đèn xoay) |
| 21 | gỗ thông dày 60 mm với lớp phủ bảo vệ gỗ |
| 22 | xi lanh dịch ngang — ống Ø 75 × 63 mm, ty Ø 40 mm, hành trình 200 mm (dốc lên mở rộng tổng cộng 400 mm) |

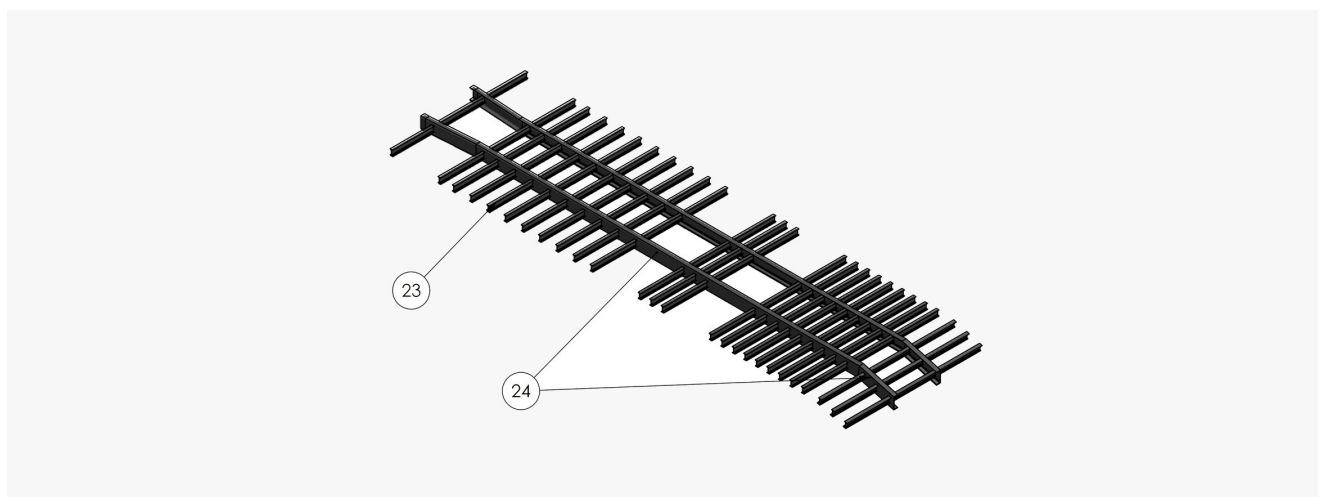
GHI CHÚ

hai xi lanh dịch ngang di chuyển mỗi dốc lên ra ngoài 200 mm, tổng cộng mở rộng dốc lên 400 mm.

RAMP GEOMETRY VÀ MAIN SUBFRAME

CST-MX-VM LOW-BED

Góc tiếp cận · kết cấu khung gầm



THÔNG SỐ LINH KIỆN

GÓC DỐC LÊN	Dốc lên được thiết kế với góc tiếp cận tối thiểu 14°
23	vật liệu NPI 100 mm — các thanh kết cấu chạy suốt chiều dài khung gầm. Khoảng cách tâm-tâm của các thanh NPI từ 250 mm đến 300 mm; khoảng cách chính xác được xác định theo đặc tính cơ khí của xe tải mà thân xe được lắp lên.
24	vật liệu NPU 200 mm — các lỗ NPI được cắt bằng laser. Toàn bộ kích thước, bao gồm các mối nối khung gầm và điểm kết nối, được thực hiện trên máy laser CNC.

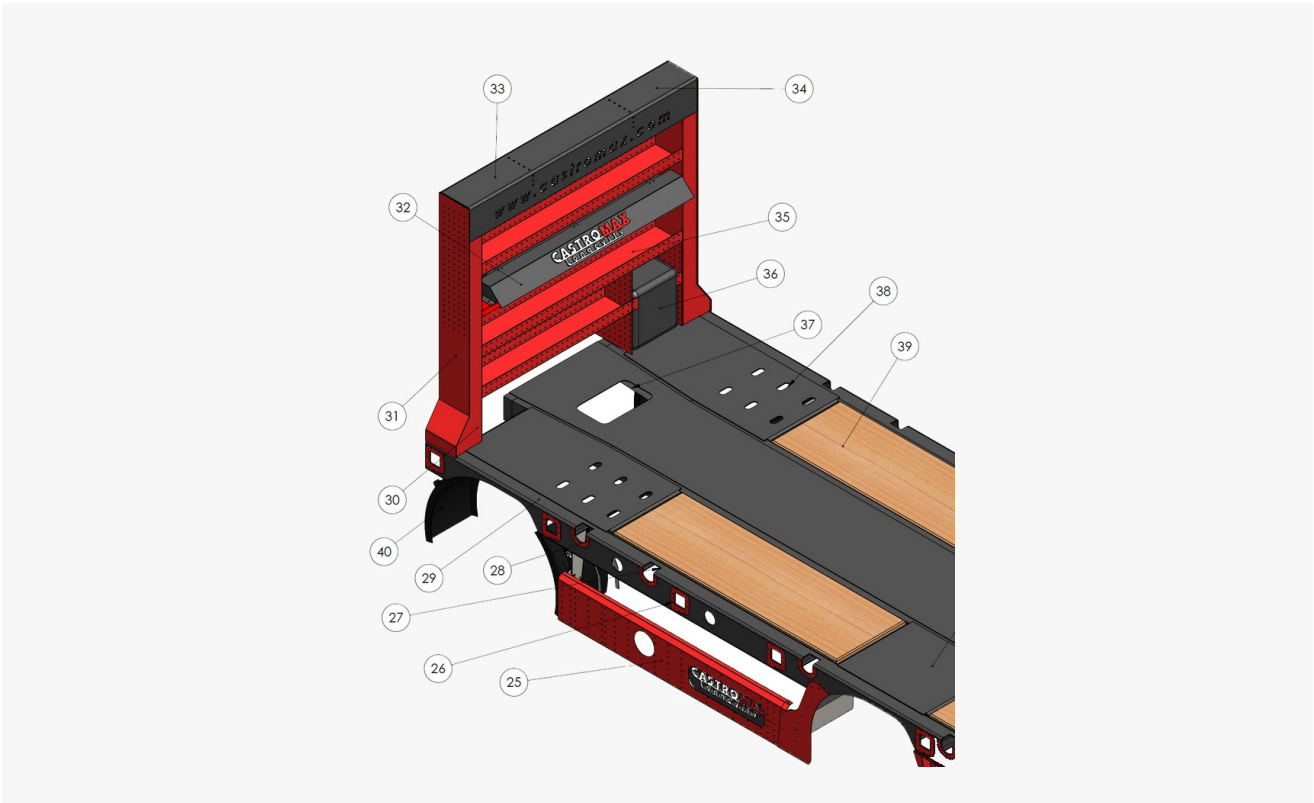
GHI CHÚ

Khung phụ được định kích thước theo khung gầm xe tải cụ thể mà nó được lắp lên; khoảng cách thanh được xác nhận ở giai đoạn đặt hàng.

SUPERSTRUCTURE VÀ EQUIPMENT

CST-MX-VM LOW-BED

Tấm chắn đầu · tủ · mở rộng ngang



THÔNG SỐ LINH KIỆN

Số thứ tự tham chiếu đến bản vẽ ở trên

25	giá xe đạp cố định bằng vít bên 3 mm, S235JR	33-34 5 mm (S355J2+N · dòng 6052) cột bảo vệ sau cabin, vật liệu đóng chữ U trên khung gầm
26	biên dạng trượt ngang 100 × 100 × 8 mm (cung cấp mở rộng 250 mm × 2)	35 5 mm (S355J2+N · dòng 6052) chặn mở rộng ngang kệ
27	vòng buộc chứng nhận 10 tấn (mạ kẽm)	36 bình dầu 65 L và khoang chứa
28	viên bên 2 mm, tán rivet, mác S235JR	37 nắp tiếp cận hộp số phụ và PTO xe
29	chấn bùn bên 8 mm (S355J2+N · dòng 6052)	38 hốc chặn bánh xe — khoét trong tấm hoa văn giọt nước
30-31	5 mm (S355J2+N · dòng 6052) cột bảo vệ sau cabin, chữ U khung gầm và vật liệu đóng	39 gỗ thông dày 70 mm với lớp phủ bảo vệ gỗ
32	tủ chứa dung tích 0,7 m ³ , mác S235JR	40 chấn bùn nhựa và bộ kẹp

GHI CHÚ

Dung tích tủ và vị trí kệ được chế tạo phù hợp với xe cơ sở; bố trí cuối cùng được xác nhận ở giai đoạn đặt hàng.

HOÀN THIỆN, MATERIALS VÀ SCOPE OF SUPPLY

CST-MX-VM LOW-BED

Lớp phủ · mác vật liệu · phạm vi giao hàng

SƠN

một lớp sơn lót chống ăn mòn tiếp theo là hai lớp sơn phủ chất lượng cao, được áp dụng để sơn thấm đúng cách. Khung gầm xe cũng được sơn.

MÁC KIM LOẠI

Tất cả linh kiện được sản xuất từ tấm mác ST52 / 6052. Các miếng chèn bên được làm từ vật liệu NPI 100 mm. Khung gầm chính phía trên được sản xuất từ vật liệu NPU 200 mm.

TANG TỜ

tang tời thủy lực 18 tấn có sẵn theo yêu cầu. Tang có thể di chuyển sang trái và phải bằng xi lanh thủy lực. Không bao gồm trong phạm vi tiêu chuẩn.

PHẠM VI CUNG CẤP

- tủ liên khối phía sau cabin, với hai kệ cho một phần gỗ. Tủ không có đủ dung tích cho toàn bộ bộ tấm mở rộng ngang.
- các tủ có kích thước phù hợp được lắp bên phải và trái phía sau khung gầm.
- chứng nhận loại TSE được hoàn thành dưới dạng xe cứu hộ chuyên dụng hoặc low-bed lắp trên xe, theo lựa chọn của người mua — không ảnh hưởng đến giá.
- Ký hiệu và decal.
- hai phản quang cảnh báo trượt, lắp phía sau dốc lên.
- mười hai vòng buộc rên 10 tấn trên nền.

GHI CHÚ

Trang bị được liệt kê là tùy chọn không bao gồm trong phạm vi tiêu chuẩn. Thông số và kích thước có thể thay đổi theo yêu cầu của khách hàng — giá có thể thay đổi tương ứng.

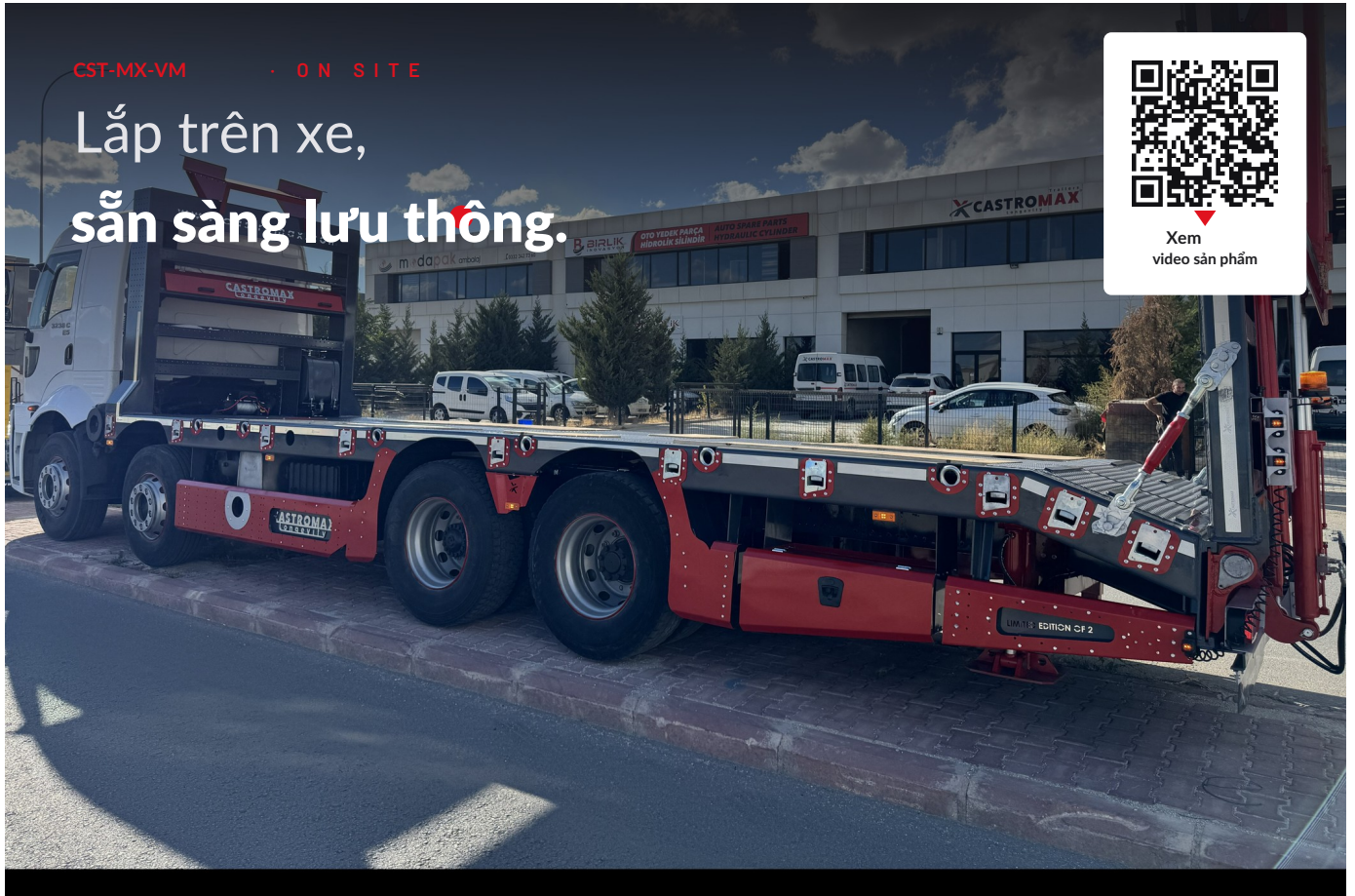


CST-MX-VM · ON SITE

Lắp trên xe,
sẵn sàng lưu thông.



Xem
video sản phẩm



CST-MX-VM LOW-BED

· CASTROMAX TRAILERS

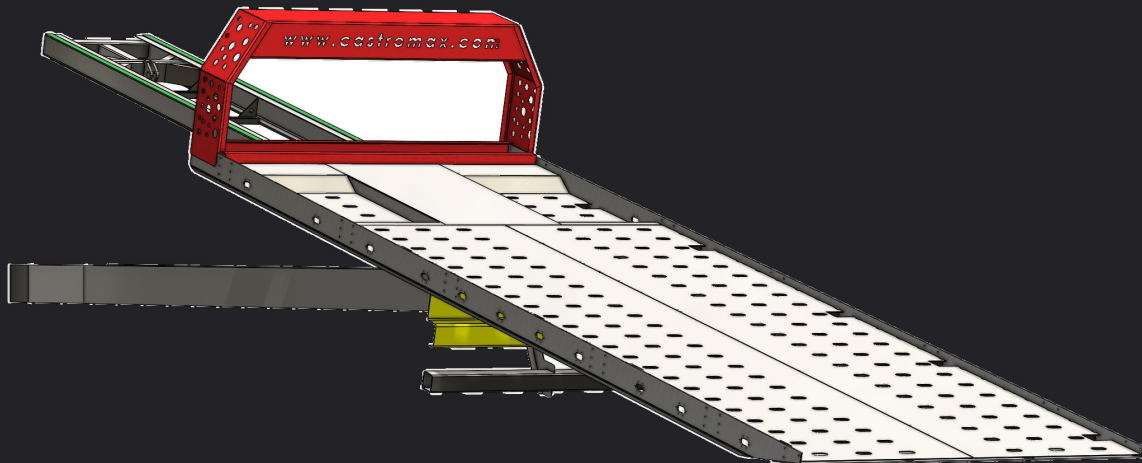
05 SLIDING CHASSIS

Nghiêng và trượt, chạm đất.



Xem
video sản phẩm

CST-MX-SC là thân khung gầm trượt lắp trên xe. Sàn trượt về phía sau trên các ray dẫn hướng và nghiêng cho đến khi chạm mặt đường, biến toàn bộ nền thành dốc lên — nhờ đó xe không thể tự lái, hoặc quá thấp so với sàn cố định, được kéo lên trực tiếp bằng tời mà không cần nâng.



TẠI SAO CHỌN KHUNG GẦM TRƯỢT

- Không cần nâng**
Sàn trở thành dốc lên; xe sẽ cố không bao giờ rời khỏi mặt đất.
- Một người vận hành**
Nghiêng, trượt và tời đều được dẫn động thủy lực từ bộ điều khiển ở tầm chân đầu.
- Góc tiếp cận thấp**
Mép sau vật giữ góc tiếp cận thấp cho các xe gầm thấp.
- Sẵn sàng cho đội xe**
Được chế tạo trên khung gầm xe tải cơ sở, nên vẫn nằm trong kích thước đường bộ thông thường.

TRONG PHẦN NÀY

49 Thiết Kế và Nguyên Lý Vận Hành

50 Kết Cấu và Khung Phụ

51 Hình Ảnh · Tại Công Trường

GHI CHÚ

CST-MX-SC được chế tạo theo khung gầm xe tải cơ sở, nên kích thước sàn, tải trọng, góc nghiêng và công suất tời được xác định theo từng dự án. Số liệu cho cấu hình của bạn được cung cấp cùng bản vẽ chào giá ở giai đoạn đặt hàng.

DESIGN VÀ OPERATING PRINCIPLE

CST-MX-SC SLIDING CHASSIS

Trình tự nghiêng và trượt · đặc điểm thiết kế



Xem
video sản phẩm



TRÌNH TỰ TẢI HÀNG

01

Trượt và nghiêng

Khi PTO được kích hoạt, sàn trượt về phía sau trên ray và nghiêng cho đến khi mép sau vát chạm mặt đường.

02

Kéo tời

Xe sự cố được kéo tời lên sàn đục lỗ chống trượt — không cần nâng, không cần xe đẩy phụ.

03

Trở về và khóa

Sàn trượt về phía trước trên các miếng đệm chống mòn và khóa ở vị trí vận chuyển.

ĐẶC ĐIỂM THIẾT KẾ

Sàn	tấm sàn đục lỗ toàn chiều rộng với hoa văn chống trượt; mép sau vát liền khối cho góc tiếp cận thấp, nhờ đó xe gầm thấp và không thể tự lái được tải lên mà không chạm đất.
Hệ thống trượt	hai dầm trượt dọc chạy trong ray dẫn hướng với miếng đệm chống mòn có thể thay thế — không có con lăn lộ ra để tích tụ bụi bẩn từ đường.
Dẫn động nghiêng và trượt	thủy lực, dẫn động PTO. Nghiêng và trượt được kết hợp trong một chuyển động có kiểm soát, nhờ đó sàn chạm mặt đất mà thân xe không nhô ra quá trực sau.
Tấm chắn đầu	vách ngăn trước kết cấu mang tời cứu hộ, bộ dẫn hướng và bộ điều khiển vận hành, với lưới đục lỗ bảo vệ cabin.
Khung phụ	khung phụ bắt bu lông phân bổ tải trọng thân xe vào khung gầm xe tải; đường ống dẫn được đặt bên trong khung, tránh xa mảnh vụn trên đường.
Cố định	điểm buộc và giá chặn bánh xe được tích hợp vào kết cấu sàn thay vì hàn lên trên.

KẾT CẤU VÀ KHUNG PHỤ

CST-MX-SC SLIDING CHASSIS

Kết cấu sàn · dầm trượt · lắp đặt



KẾT CẤU

Tấm sàn	tấm đục lỗ chống trượt trên các thanh ngang, tạo độ bám và giúp nước và cát rơi khỏi sàn.
Thanh ngang	các thanh ngang bố trí sát nhau mang tấm sàn vào hai dầm trượt chính.
Dầm trượt và ray	hai dầm chính di chuyển trong ray dẫn hướng; bề mặt trượt có miếng đệm chống mòn có thể thay thế.
Vát sau	mép sàn sau vát, phần tiếp xúc với mặt đất — được tạo hình từ một tấm duy nhất nên không có mối nối ở mép tải hàng.
Giá chặn bánh	giá chặn bánh xe và giá buộc được cố định vào kết cấu sàn (thể hiện màu vàng trên bản vẽ lắp ráp).
Khung tấm chắn đầu	khung cổng hàn với mặt đục lỗ, mang tời và lưới bảo vệ.
Hệ thống thủy lực	xi lanh tác động kép cho chuyển động nghiêng và trượt, cấp từ PTO và bơm xe tải; điều khiển ở tấm chắn đầu.
Khung phụ	khung phụ dọc bắt bu lông vào khung gầm xe tải, định kích thước theo tiết diện khung xe cơ sở và chiều dài cơ sở.

CẤU HÌNH

Loại thân xe	Thân cấu hệ nghiêng và trượt
Lắp đặt	Khung phụ bắt bu lông vào khung gầm
Dẫn động	Thủy lực, dẫn động PTO
Bề mặt sàn	Tấm đục lỗ chống trượt
Tời	Lắp ở tấm chắn đầu
Hoàn thiện	Sơn lót + sơn acrylic 2K

XÁC ĐỊNH THEO TỪNG DỰ ÁN

- Chiều dài và chiều rộng sàn
- Tải trọng / tải trọng làm việc an toàn
- Góc nghiêng và hành trình trượt
- Công suất tời và thông số cáp
- Yêu cầu tổng trọng lượng và chiều dài cơ sở khung gầm xe
- Tùy chọn đèn, hộp chứa đồ và nâng bánh xe

Mác thép, linh kiện cắt laser và hệ thống phun cát + sơn lót epoxy + sơn acrylic 2K tuân theo cùng tiêu chuẩn chế tạo CASTROMAX áp dụng cho toàn bộ dòng lowbed. Kích thước và tải trọng sàn được cung cấp cùng bản vẽ chào giá ở giai đoạn đặt hàng.

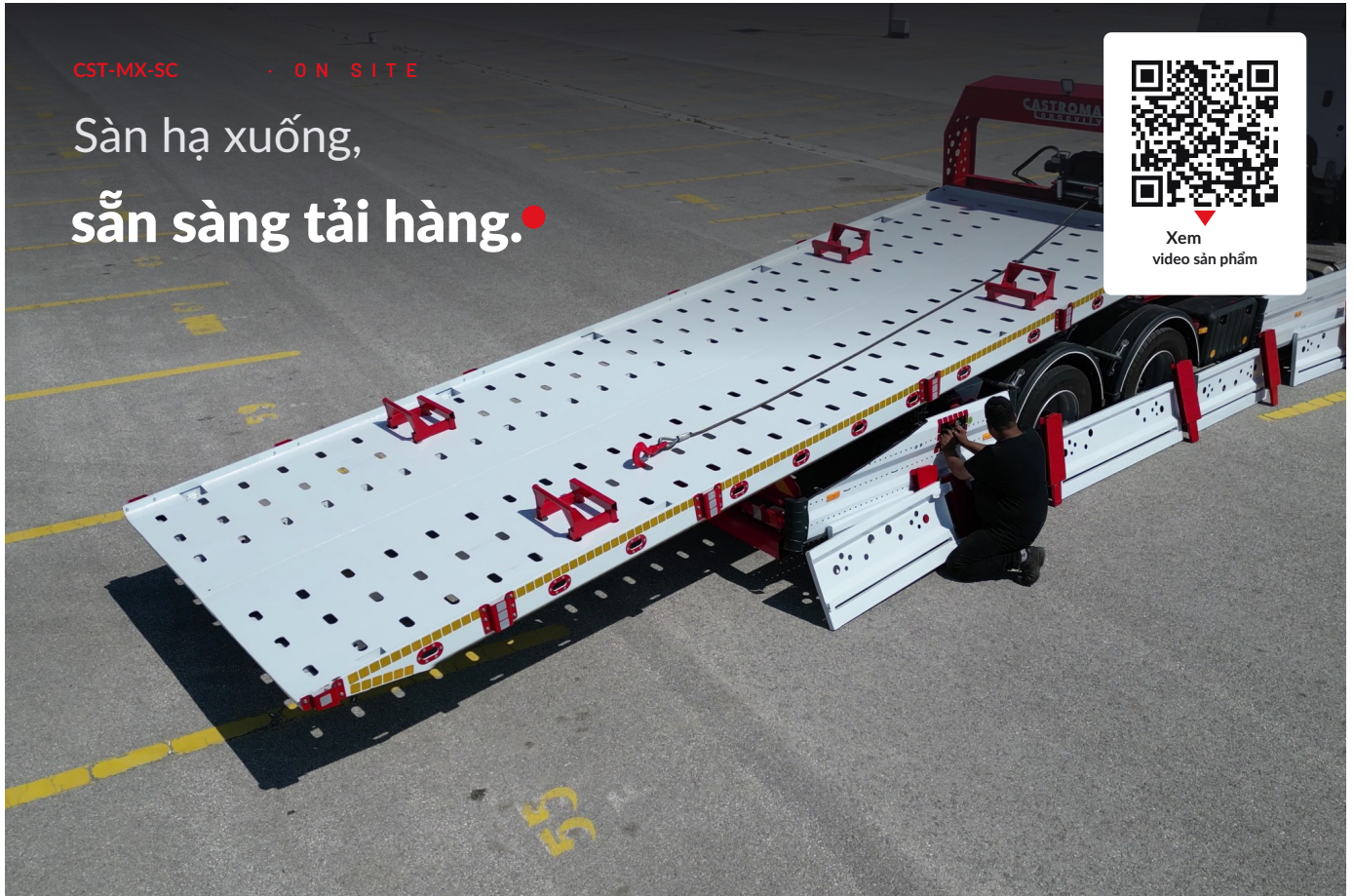
CST-MX-SC

· ON SITE

Sàn hạ xuống,
sẵn sàng tải hàng.●



Xem
video sản phẩm



CST-MX-SC KHUNG GẦM TRƯỢT

· CASTROMAX TRAILERS

06 DRAWBAR TRAILER

Rơ moóc toàn phần, lái từ càng kéo.

Rơ moóc càng kéo bàn xoay CST-MX chở hàng giữa giá chuyển hướng phía trước và cụm trục sau. Giá trước xoay trên bàn xoay ổ bi dưới càng kéo, nhờ đó rơ moóc bám sát xe kéo — và vì xe tải giữ nguyên sàn riêng, tổ hợp chở được nhiều hơn tải trọng mỗi chuyến so với đầu kéo và rơ moóc bán tải.



TẠI SAO CHỌN RƠ MOỐC CÀNG KÉO

- **Nhiều tải trọng hơn trên mỗi mét**
Xe kéo cũng chở tải riêng, nên tổ hợp chở được nhiều hơn mỗi chuyến so với đầu kéo và rơ moóc bán tải.
- **Bám theo xe kéo**
Hệ thống lái bàn xoay giữ rơ moóc bám theo đường đi của xe kéo qua vòng xuyến và lối vào công trường.
- **Ổn định khi có tải**
Trọng lượng được đỡ trên trục ở cả hai đầu sàn thay vì qua mâm xoay, giúp nền luôn nằm ngang.
- **Bất kỳ xe kéo nào**
Kết nối với xe tải và đầu kéo hạng nặng — không cần mâm xoay hoặc cổ ngỗng trên đơn vị kéo.

CẤU HÌNH TRỰC • 2 + 2 • 2 + 3 • 3 + 2 • 3 + 3

Số trục và chiều dài sàn được xác định theo từng dự án — cùng kết cấu khung gầm được chế tạo với phiên bản dài hơn và ngắn hơn, với hai hoặc ba trục trên mỗi giá chuyển hướng.

TRONG PHẦN NÀY

53 Bố Trí Tổng Thể và Kích Thước

54 Cấu Hình và Trang Bị

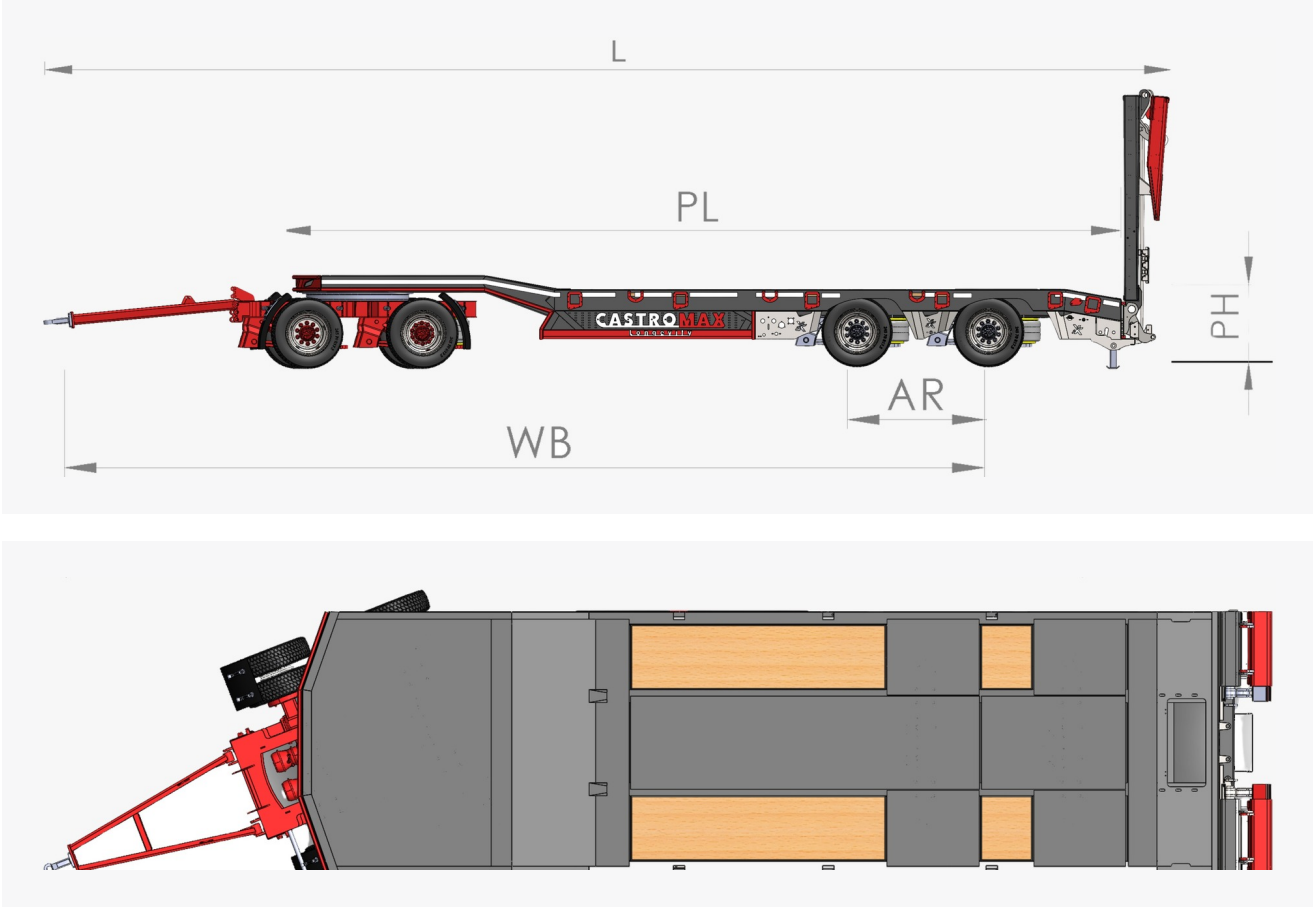
GHI CHÚ

Kích thước, số trục và trang bị được xác định theo từng dự án. Số liệu cho cấu hình của bạn được cung cấp cùng bản vẽ chào giá ở giai đoạn đặt hàng.

GENERAL ARRANGEMENT VÀ DIMENSIONS

CST-MX DRAWBAR TRAILER

Hình chiếu cạnh và bằng · mã kích thước



MÃ KÍCH THƯỚC

Giá trị theo từng cấu hình

L	Chiều dài tổng thể — từ mắt còng kéo đến sau sàn
PL	Chiều dài nền — diện tích tải sử dụng được của sàn thấp
WB	Chiều dài cơ sở — từ tâm giá trước đến tâm cụm trục sau
AR	Khoảng cách trục trong cụm sau
PH	Chiều cao nền, không tải

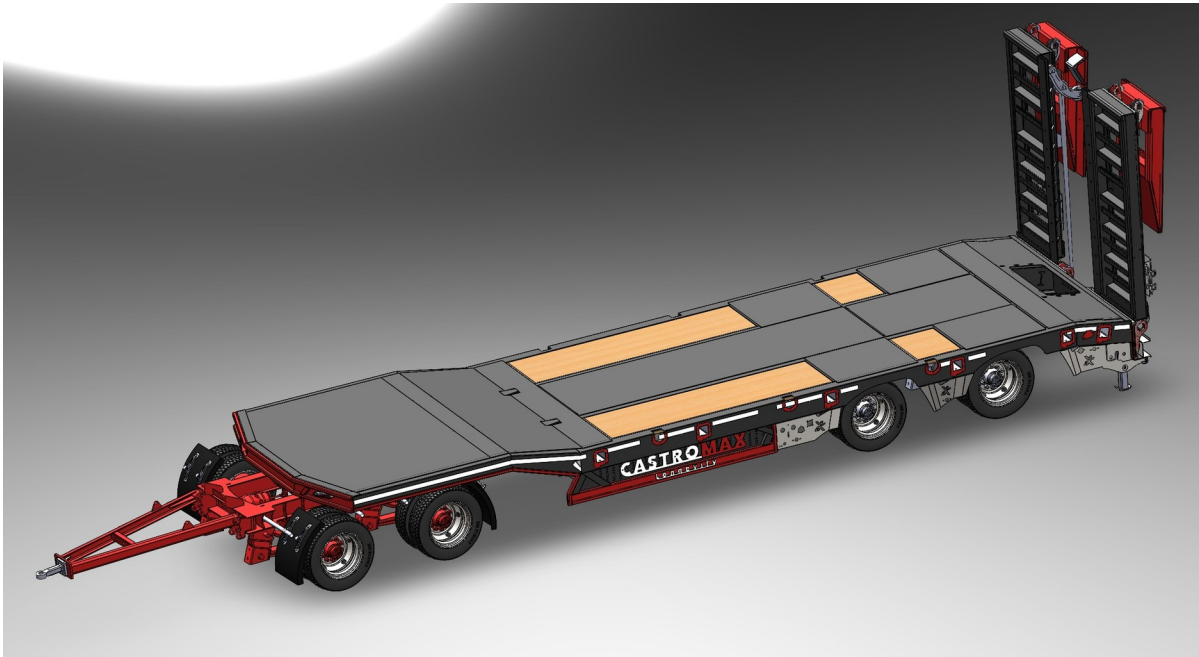
GHI CHÚ

Bản vẽ trên thể hiện cấu hình trục 2 + 3. Chiều dài tổng thể, chiều dài nền và chiều dài cơ sở thay đổi theo số trục được chọn — mã kích thước không đổi.

CONFIGURATION VÀ EQUIPMENT

CST-MX DRAWBAR TRAILER

Tùy chọn trực · đặc điểm thiết kế



CẤU HÌNH TRỰC

2 + 2 Tổ hợp gọn nhẹ, bán kính quay nhỏ nhất	2 + 3 Cấu hình thể hiện trong bản vẽ này	3 + 2 Nhiều tải hơn trên giá trước	3 + 3 Tải trọng cao nhất trên mỗi đơn vị, sàn dài nhất
---	---	---	---

ĐẶC ĐIỂM THIẾT KẾ

Lái Bàn Xoay	bàn xoay ổ bi dưới càng kéo lái giá trước cứng vững.
Càng Kéo	càng kéo điều chỉnh độ cao, mắt kéo DIN Ø 40 mm (Ø 50 mm theo yêu cầu).
Sàn Thấp	sàn thấp giữa các giá chuyển hướng, với nền chèn gỗ CASTROMAX.
Dốc Lên Sau	dốc lên sau gấp đôi thủy lực với góc tiếp cận thấp.
Sàn Bậc Phía Trước	sàn nâng cao trên giá trước, nhờ đó cụm lái có góc quay đầy đủ.
Cố định	vòng buộc và giá chặn được tích hợp vào kết cấu sàn.

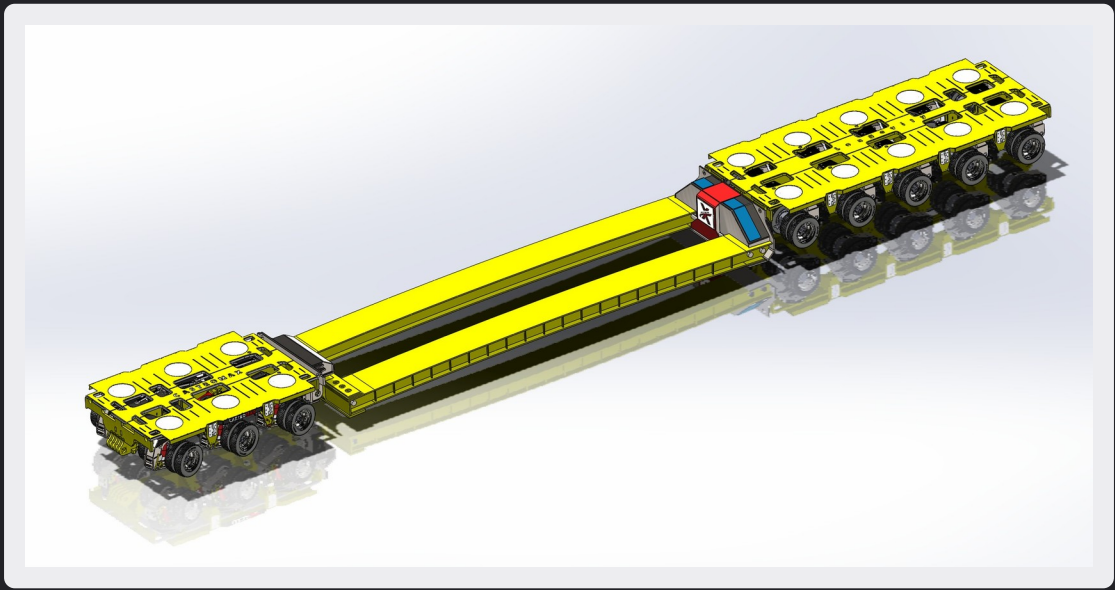
XÁC ĐỊNH THEO TỪNG DỰ ÁN

- Số trục trên giá trước và cụm sau
- Tải trọng / tổng trọng lượng tổ hợp
- Bề mặt sàn gỗ, thép hoặc kết hợp
- Chiều dài, chiều rộng nền và chiều cao sàn
- Loại dốc lên: gấp đôi thủy lực, hỗ trợ lò xo hoặc cố định
- Hệ treo: khí nén hoặc cơ khí · hệ thống phanh · kích thước lốp và vành

07 TỰ HÀNH

Vận chuyển dạng mô-đun, bằng nguồn động lực riêng.

Xe vận chuyển mô-đun tự hành CASTROMAX di chuyển hàng nặng và quá khổ mà không cần đầu kéo. Hàng hóa được đặt trên các dây trục con lắc treo thủy lực, kết nối theo số lượng cần thiết cho tải trọng và được dẫn động bởi khối nguồn động lực.



TẠI SAO CHỌN TỰ HÀNH

- **Không cần đầu kéo**
Dẫn động thủy tĩnh trong các dây trục di chuyển tổ hợp tại công trường, nhờ đó hàng hóa không bao giờ phải chuyển giữa các xe.
- **Cân bằng khi có tải**
Mỗi dây trục có hành trình thủy lực riêng và được nhóm vào các mạch hỗ trợ, nhờ đó sàn luôn nằm ngang trên địa hình không bằng phẳng.
- **Xoay tại chỗ**
Hệ thống lái đa hướng cho phép tổ hợp chạy thẳng, ngang, vòng tròn và xoay quanh tâm của chính nó.
- **Được chế tạo theo tải trọng**
mô-đun 3 và 5 trục kết nối nối tiếp và song song — tổ hợp mở rộng theo hàng hóa.

DÒNG MÔ-ĐUN • 3 TRỤC • 5 TRỤC • VESSEL BRIDGE • POWER PACK

TRONG PHẦN NÀY

56 Mô-đun và Kết Hợp

57 Công Nghệ Trục và Dẫn Động

GHI CHÚ

Công suất, tải trọng trục và công suất dẫn động được xác định theo từng dự án và cung cấp cùng tài liệu chào giá. Hình ảnh thể hiện mô hình kỹ thuật của dòng mô-đun.

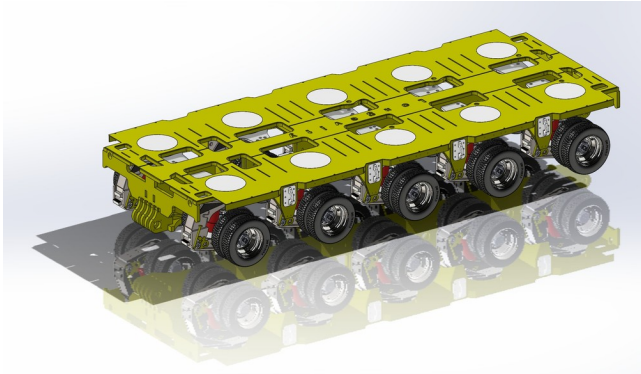
MODULES VÀ COMBINATIONS

CASTROMAX TỰ HÀNH

Dòng mô-đun · tùy chọn kết nối



mô-đun 3 trục



mô-đun 5 trục

DÒNG MÔ-ĐUN

mô-đun 3 trục	mô-đun gắn với ba dây trục con lắc. Dùng để tinh chỉnh số dây của tổ hợp và cho hàng hóa gọn nhẹ.
mô-đun 5 trục	khối chính. Năm dây trục con lắc dưới sàn phân bố tải với mặt kết nối trên cả bốn cạnh.
Cầu nối tàu	đảm sàn hạ thấp đặt giữa hai nhóm mô-đun, nhờ đó hàng cao nằm dưới mức sàn cho các chuyển vận chuyển giới hạn chiều cao.
Khối nguồn động lực	khối diesel-thủy lực cung cấp dẫn động, lái, hành trình trục và hệ thống điều khiển; vận hành bằng điều khiển vô tuyến từ xa.

TÙY CHỌN KẾT HỢP

- nối tiếp — các mô-đun kết nối theo chiều dọc thành một tổ hợp dài duy nhất.
- song song — hai hàng kết nối ngang cho hàng rộng hoặc rất nặng.
- tổ hợp chia tách — hai nhóm được dẫn động đồng bộ dưới một tải trọng.
- có cầu nối tàu — nhóm mô-đun ở mỗi đầu và đảm sàn thấp giữa chúng.

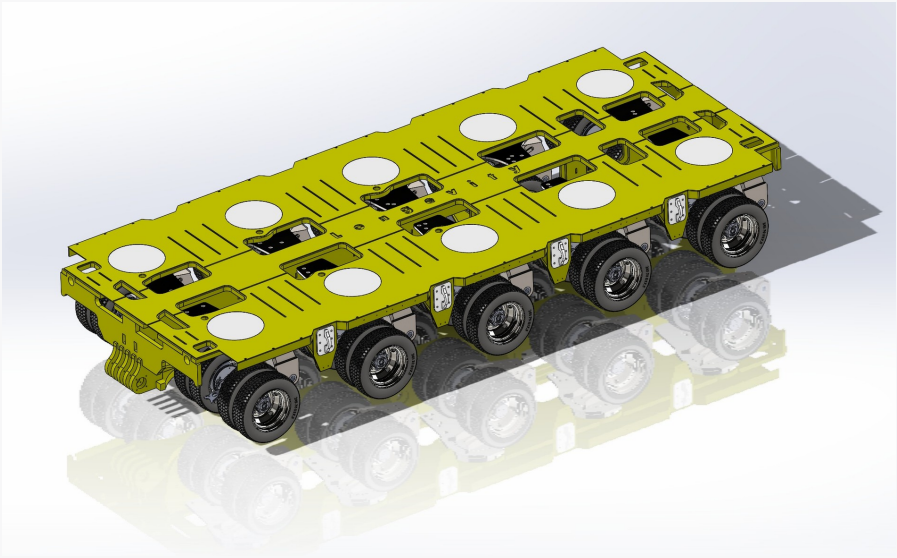
GHI CHÚ

các mô-đun có số dây khác nhau có thể kết hợp trong một tổ hợp; hệ thống điều khiển giữ tất cả các dây đồng bộ.

AXLE VÀ DRIVE TECHNOLOGY

CASTROMAX TỰ HÀNH

Trục con lắc · dẫn động · điều khiển



DẪN ĐỘNG

Trục Con Lắc	mỗi dây trục xoay trên vòng bi xoay và chạy trên bốn lớp — hai lớp mỗi đầu bánh — nhờ đó tải trọng được chia đều và dây trục lái được góc rộng.
Hành Trình Trục	xi lanh thủy lực trên mỗi dây trục tạo độ nâng và bù trừ; các dây được nhóm vào mạch hỗ trợ giữ nền ổn định.
Dẫn động	khối dẫn động thủy tĩnh trong các dây trục, cấp nguồn từ khối nguồn động lực — dây có dẫn động và không dẫn động có thể kết hợp trong một tổ hợp.
Hệ thống lái	mỗi dây được lái độc lập, cho các chương trình thẳng, chéo, ngang và vòng tròn cũng như xoay tại chỗ.
Sàn	sàn phân bố tải với hốc lõm và điểm buộc; mặt kết nối phía trước, sau và cả hai bên.
Điều Khiển	điều khiển vô tuyến từ xa với bộ chọn chương trình lái; phanh tự động kích hoạt khi hệ thống mất nguồn.

XÁC ĐỊNH THEO TỪNG DỰ ÁN

- Số dây trục và dây được dẫn động
 - Chiều cao sàn và chiều rộng nền
 - Chương trình lái và bộ điều khiển
- Tải trọng trục và tổng tải trọng
 - Công suất khối nguồn và dung tích nhiên liệu
 - Kích thước lốp, kết nối và gói phụ kiện

TECHNICAL DATA

CASTROMAX TỰ HÀNH

Dữ liệu xe · chương trình lái

DỮ LIỆU XE

Cấu Hình	xe vận chuyển mô-đun tự hành, dẫn động thủy tĩnh
Kích Thước Mô-đun	mô-đun 3 trục và 5 trục · kết hợp trong một tổ hợp
Kết Nối	dọc (nối tiếp) và ngang (song song)
Dây Trục	dây trục con lắc trên vòng bi xoay, lái độc lập
Bánh Xe Mỗi Dây Trục	4 lớp — hai lớp mỗi đầu bánh
Kích Thước Lốp	245/70 R17.5 (theo mô hình)
Hệ thống treo	xi lanh thủy lực trên mỗi dây trục, nhóm vào mạch hỗ trợ
Dẫn động	khối dẫn động thủy tĩnh trong dây trục; kết hợp dây dẫn động và không dẫn động
Nguồn Điện	khối nguồn động lực diesel-thủy lực
Điều Khiển	điều khiển vô tuyến từ xa · điều khiển dây · dây khẩn cấp
Sàn	sàn phân bố tải với hốc lõm, điểm buộc và mặt kết nối
Phụ Kiện	cầu nối tàu (dầm sàn hạ thấp), cổ ngỗng và bố trí bàn xoay

CHƯƠNG TRÌNH LÁI

- Lái Ngược
 - Lái Trục Trước
 - Ngang Trái / Phải
 - Tổ Hợp Chữ T
- Lái Vòng Tròn
 - Lái Trục Sau
 - Vòng Tròn Ngang
 - Tổ Hợp Tự Do
- Lái Ngang
 - Lái Ngang 90°
 - Tổ Hợp Góc

XÁC NHẬN THEO TỪNG CẤU HÌNH

Số liệu cung cấp cùng tài liệu chào giá

Tải Trọng Mỗi Dây	t ở 1 km/h	Bù Trừ Trục (hành trình)	mm
Góc Lái	°	Lực Kéo Mỗi Dây Dẫn Động	kN
Trọng Lượng Bản Thân Mỗi Mô-đun	t	Chiều Rộng Mô-đun	mm
Khoảng cách trục	mm	Chiều Cao Sàn, Không Tải	mm
Công Suất Khối Nguồn	kW	Tải Trọng Tổ Hợp Tối Đa	t



THƯƠNG HIỆU KỸ THUẬT

CST-MX 3 · CST-MXHP 3 · CST-MXH 3 · CST-MXW E4 · CST-MXE 5

LIÊN HỆ

+90 544 458 28 79 · +90 505 539 42 00

Fevzi Çakmak Mah. Ayyıldız Cd. No: 99B

Karatay / Konya / TÜRKİYE

info@castromax.com · sales@castromax.com · www.castromax.com

CHỨNG NHẬN

ISO 9001 · ISO 14001 · ISO 45001

EN 12642 XL

DÒNG SẢN PHẨM LOWBED · PHIÊN BẢN 2026

© 2026 CASTROMAX TREYLER MAK. SAN. VE TİC. LTD. ŞTİ.

